

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI
KHOA GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG
BỘ MÔN CHIẾN THUẬT – QUÂN SỰ CHUNG



HỌC PHẦN 3
MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH
ĐỐI TƯỢNG: SINH VIÊN CHÍNH QUY ĐHGTVT HÀ NỘI

(Tài liệu này chỉ cung cấp một số đơn vị kiến thức cơ bản trong một số bài trong chương trình GDQP - AN theo Thông tư số 05 của Bộ Giáo dục và đào tạo. Sinh viên tìm đọc thêm Giáo trình Giáo dục quốc phòng- An ninh tập 2 để nội dung kiến thức đầy đủ hơn.)

NĂM 2020

BÀI 1 : CHẾ ĐỘ SINH HOẠT, HỌC TẬP CÔNG TÁC TRONG NGÀY, TRONG TUẦN

LỜI NÓI ĐẦU

Từ khi thành lập đến nay, Quân đội nhân dân Việt nam luôn trưởng thành và lớn mạnh không ngừng, cùng với nhân dân cả nước đánh bại mọi kẻ thù xâm lược, là tấm gương sáng về đạo đức, tác phong lối sống đặc biệt là ý thức tổ chức kỷ luật, lối sống tập thể. Có được những kết quả và truyền thống đó, ngoài sự giáo dục, rèn luyện và sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đã trang bị VKTB kỹ thuật và quan tâm đến đời sống của mọi cán bộ chiến sĩ còn có một yếu tố vô cùng quan trọng đó là (hệ thống quy định của ĐLQLBD Quân đội nhân dân Việt nam) đã giúp cho mọi cơ quan, đơn vị luôn thống nhất về hành động, góp phần xây dựng đơn vị nói riêng và quân đội nói chung chính quy, tinh nhuệ từng bước hiện đại. Trong phạm vi bài giảng này tôi giới thiệu với các đồng chí về chế độ làm việc, học tập, công tác trong ngày, trong tuần đây là một nội dung rất quan trọng để mọi quân nhân vận dụng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại đơn vị.

NỘI DUNG

I. Ý NGHĨA VIỆC CHẤP HÀNH CÁC CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC, SINH HOẠT, HỌC TẬP VÀ CÔNG TÁC TRONG NGÀY, TRONG TUẦN:

Chế độ làm việc, học tập, sinh hoạt, công tác trong ngày, trong tuần có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc xây dựng và củng cố đơn vị, tạo cho mọi quân nhân thực hiện tốt các chế độ theo giờ giấc, thời gian quy định, bảo đảm sự tập trung thống nhất cao, góp phần xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện.

Thực hiện tốt chế độ làm việc, học tập, công tác trong ngày trong tuần luôn tạo cho đơn vị có nền nếp, thống nhất trong mọi hoạt động. Góp phần quan trọng trong xây dựng quân đội chính quy, tinh nhuệ từng bước hiện đại.

II. NỘI DUNG CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC, SINH HOẠT, HỌC TẬP VÀ CÔNG TÁC TRONG NGÀY, TRONG TUẦN

A. PHÂN PHỐI THỜI GIAN:

1. Thời gian làm việc trong ngày, trong tuần (Điều 45)

Trong điều kiện bình thường, khi đóng quân trong doanh trại, thời gian làm việc sinh hoạt và nghỉ ngơi trong tuần, trong ngày được phân chia như sau:

1. Mỗi tuần làm việc 5 ngày và nghỉ 2 ngày vào thứ bảy và chủ nhật; nếu nghỉ vào ngày khác trong tuần phải do tư lệnh quân khu, quân chủng, quân đoàn và tương đương trở lên quy định thống nhất cho đơn vị thuộc quyền

a) Ngày lễ, tết được nghỉ theo quy định của nhà nước

b) Quân nhân làm việc vào ngày nghỉ thì được nghỉ bù. Thời gian và quyền hạn cho quân nhân nghỉ bù do người chỉ huy cấp đại đội và tương đương trở lên quyết định;

c) Ngày nghỉ được tổ chức vui chơi giải trí, hoạt động thể thao, văn hóa, văn nghệ, vệ sinh môi trường nhưng phải dành một thời gian nhất định để quân nhân có điều kiện giải quyết việc riêng;

d) Mỗi ngày làm việc 8 giờ, còn lại là thời gian ngủ, nghỉ sinh hoạt và phải được phân chia cụ thể theo thời gian biểu trong ngày

2. Trong điều kiện đặc biệt, thời gian làm việc và nghỉ sẽ có quy định riêng.

2. Sử dụng các buổi tối trong tuần (Điều 46):

1. Tất cả các buổi tối trong tuần, (trừ các buổi tối trước và trong ngày nghỉ) phải tổ chức học tập hoặc sinh hoạt. Thời gian học tập, sinh hoạt mỗi buổi tối không quá 2 giờ.

2. Những đêm trước ngày nghỉ có thể ngủ muộn hơn, nhưng không quá 23 giờ và sáng hôm sau thức dậy không quá 7 giờ.

3. Thời gian làm việc của từng mùa (Điều 47)

1. Thời gian làm việc 2 mùa quy định như sau:

a) Mùa nóng từ ngày 01 tháng 4 đến 31 tháng 10;

b) Mùa lạnh từ ngày 01 tháng 11 đến 31 tháng 3 năm sau.

2. Thời gian biểu làm việc hàng ngày theo từng mùa do tư lệnh quân khu, quân chủng, quân đoàn và tương đương trở lên quy định.

B. CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ SINH HOẠT TRONG NGÀY

Trong ngày có 11 chế độ.

Thứ tự nội dung từng chế độ như sau:

1. Treo quốc kỳ
2. Thức dậy
3. Thể dục sáng
4. Kiểm tra sáng
5. Học tập
6. Ăn uống
7. Bảo quản vũ khí, khí tài, trang bị.
8. Thể thao, tăng gia, sản xuất
9. Đọc báo, nghe tin
10. Điểm danh, điểm quân số
11. Ngủ, nghỉ

*** Thứ tự phương pháp tổ chức thực hiện chế độ trong ngày như sau:**

- 1. Treo quốc kỳ:(Điều 48)**
-

Các đơn vị từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên, khi đóng quân cùng trong một doanh trại phải tổ chức treo quốc kỳ hàng ngày ở một vị trí trang trọng nhất. Các đại đội, tiểu đoàn và tương đương khi đóng quân độc lập thì tổ chức treo quốc kỳ trên sân chào cờ, duyệt đội ngũ của đơn vị. Thời gian treo quốc kỳ từ 06 giờ, thời gian hạ quốc kỳ lúc 18 giờ hàng ngày.

2. Thức dậy: (Điều 49)

1. Trục chỉ huy và trực ban phải dậy trước 10 phút để trực tiếp ra hiệu lệnh báo thức và đi kiểm tra mọi quân nhân trong đơn vị dậy đúng giờ.

2. Khi có hiệu lệnh báo thức mọi quân nhân phải dậy ngay, rời khỏi phòng ngủ để ra sân tập thể dục hoặc chuẩn bị sẵn sàng công tác .

3. Thể dục sáng: (Điều 50)

a. Đúng giờ, mọi quân nhân trong đơn vị phải tập thể dục sáng, trừ người làm nhiệm vụ, đau ốm được chỉ huy trực tiếp cho phép .

Thời gian tập thể dục 20 phút

Trang phục do người chỉ huy đơn vị quy định thống nhất, theo thời tiết và điều kiện cụ thể.

b. Nội dung tập thể dục theo hướng dẫn của ngành thể dục, thể thao quân đội. Trung đội hoặc đại đội và tương đương là đơn vị tổ chức tập thể dục .

c. Tập thể dục có súng phải khám súng trước và sau khi tập

4. Kiểm tra sáng: (Điều 51)

Kiểm tra sáng được tiến hành hàng ngày (trừ ngày nghỉ và ngày chào cờ). Tổ chức kiểm tra ở tiểu đội , trung đội và tương đương. Nội dung kiểm tra theo lịch thống nhất trong tuần của đại đội và tương. Kiểm tra ở cấp nào do cán bộ chỉ huy cấp đó điều hành. Khi kiểm tra, phát hiện sai sót phải sửa ngay.

Thời gian kiểm tra 10 phút

5. Học tập: (Điều 52)

1. Học tập trong hội trường

a) Người phụ trách hoặc trực ban lớp học phải kiểm tra quân số, trang phục, chỉ huy bộ đội vào vị trí, hô “ *ng nghiêm* ” và báo cáo giáo viên.

Nếu đơn vị có mang theo vũ khí phải tổ chức khám súng trước và quy định nơi giá (đặt) súng.

b) Quân nhân ngồi trong hội trường phải đúng vị trí quy định, tập trung tư tưởng theo dõi nội dung học tập.

Khi ra hoặc vào lớp phải đứng nghiêm báo cáo xin phép giáo viên. Được phép mới ra hoặc vào lớp.

c) Sau mỗi tiết hoặc giờ học tập được nghỉ 5-10 phút. Hết giờ nghỉ nhanh chóng vào lớp, tiếp tục nghe giảng. Giáo viên phải chấp hành đúng thời gian. Nếu giảng quá giờ quy định, phải báo cho người phụ trách hoặc trực ban lớp học và người học biết.

d) Hết giờ học, người phụ trách hoặc trực ban lớp hô “Đứng dậy” và hô “ng nghiêm”, báo cáo giáo viên cho xuống lớp , sau đó chỉ huy bộ đội ra về.

2. Học tập ngoài thao trường

a) Đi và về phải thành đội ngũ. Thời gian đi về không tính vào thời gian học tập. Nếu 1 lần đi (về) trên một giờ được tính một nửa vào thời gian học tập

b) Trước khi học tập người phụ trách hoặc trực ban lớp học phải tập hợp bộ đội, kiểm tra quân số, trang phục, vũ khí, học cụ, khám súng, sau đó báo cáo với giáo viên.

c) Phải chấp hành nghiêm kỷ luật thao trường, tập luyện nơi gần địch phải có kế hoạch sẵn sàng chiến đấu. Súng đạn, trang bị chưa dùng trong luyện tập phải có người canh gác. Hết giờ luyện tập người phụ trách hoặc trực ban lớp phải tập hợp bộ đội khám súng, kiểm tra quân số, vũ khí, học cụ và các trang bị khác, chỉnh đốn hàng ngũ báo cáo giáo viên cho bộ đội nghỉ. Sau đó chỉ huy bộ đội về doanh trại hoặc nghỉ tại thao trường.

3.Trường hợp có cấp trên của giáo viên ở đó thì giáo viên phải báo cáo cấp trên trước khi xuống lớp

6. Ăn uống: (Điều 53)

1. Người chỉ huy đơn vị có tổ chức bếp ăn phải quản lý nhà ăn, nhà bếp; bảo đảm tiêu chuẩn định lượng; ăn sạch, ăn nóng và ăn đúng giờ quy định .

a) Hàng ngày chỉ đạo trực ban, tổ kinh tế, quân y kiểm tra số người ăn; số lượng ,chất lượng, chất lượng lương thực, thực phẩm sử dụng theo tiêu chuẩn được hưởng; vệ sinh nhà ăn, nhà bếp sạch sẽ.

b) Thực hiện kinh tế công khai trong ngày, tháng, giải quyết mọi thắc mắc, đề nghị về ăn uống của quân nhân.

2. Cán bộ, chiến sĩ phục vụ nhà ăn phải nêu cao ý thức trách nhiệm phục vụ, có kế hoạch tổ chức tiếp phẩm, cải tiến kỹ thuật nấu ăn; giữ vệ sinh, chăm lo bữa ăn, bảo đảm sức khỏe bộ đội.

a, Bảo đảm lương thực, thực phẩm, chất đốt; cân, đong, đo, đếm chính xác; có sổ ghi chép xuất, nhập đầy đủ, tránh để hao hụt, lãng phí, tham ô. Hàng ngày, tuần, tháng cùng với hội đồng kinh tế của đơn vị tiến hành kiểm kho, báo cáo kinh tế công khai kinh tế trước các quân nhân;

b) Khi làm việc phải mặc quần áo công tác. Người đang mắc bệnh truyền nhiễm hoặc bệnh ngoài da không trực tiếp nấu ăn và chia cơm, thức ăn.

c). Đối với người bị ốm tại trại, nếu không đến được nhà ăn trực nhật và quân y phải mang cơm về cho người ốm. Những xuất chưa ăn nhân viên nhà ăn phải đẩy lại cẩn thận.

3. Cấm sử dụng thức ăn nấu chưa chín, ôi thiu; thịt súc vật bị bệnh, đồ hộp hỏng; các loại thực phẩm của địch bỏ lại chưa được quân y kiểm tra.

a) Cấm để chất độc, vật bẩn, hôi hám vào khu thực phẩm, nhà bếp, nhà ăn. Nếu dùng thuốc diệt muỗi, chuột, mỗi phải có biện pháp quản lý chặt chẽ;

b) Nước ăn, uống phải trong, sạch. Nước uống, nước nhúng bát phải đun sôi;

c) Mỗi bữa ăn phải để lại một phần xuất ăn làm lưu nghiệm do quân y quản lý. Sau 24 giờ không có việc gì xảy ra mới bỏ đi.

4. Khi đến nhà ăn:

a) Phải đúng giờ, đi ăn trước hay sau giờ quy định phải được chỉ huy hoặc trực ban đơn vị đồng ý và báo trước cho nhà bếp;

b) Hạ sĩ quan, binh sĩ, học viên chưa phải là sĩ quan đến nhà ăn phải tập hợp đi thành đội ngũ;

c) Trước khi ăn phải nhúng bát, đĩa qua nước sôi. Ăn xong xếp gọn bát, đĩa trên mặt bàn, xếp ghế vào gầm bàn trước khi rời nhà ăn.

7. Bảo quản vũ khí, khí tài, trang bị: (Điều 54)

1. Khi quân nhân được giao vũ khí, trang bị kỹ thuật phải chấp hành nghiêm chế độ bảo quản hàng ngày, hàng tuần.

a) *Hàng ngày*: Vũ khí bộ binh bảo quản 15 phút: vũ khí, trang bị kỹ thuật khác, khí tài phức tạp bảo quản 30 phút. Thời gian bảo quản vào giờ thứ 8;

b) *Hàng tuần*: Vũ khí bộ binh bảo quản 40 phút; vũ khí trang bị kỹ thuật khác, khí tài phức tạp bảo quản từ 3 đến 5 giờ; thời gian bảo quản vào ngày làm việc cuối tuần.

c) Sau khi bắn đạn thật phải bảo quản vũ khí theo quy trình kỹ thuật.

2. Lau chùi bảo quản vũ khí TBKT hàng ngày, hàng tuần do chỉ huy trực tiếp tổ chức tiến hành có sự hướng dẫn của nhân viên chuyên môn kỹ thuật.

Vị trí lau chùi vũ khí, TBKT phải sạch sẽ có bàn, bạt, dụng cụ và các điều kiện để tháo, lắp, bảo quản, trước khi lau chùi phải khám súng.

3. Tuân thủ đúng quy tắc, quy trình tháo lắp, mức độ tháo lắp, lau chùi hàng ngày, hàng tuần theo quy định đối với từng loại vũ khí, khí tài. Khi lau xong phải khám súng, kiểm tra.

Người chỉ huy phải phân công quân nhân lau chùi, bảo quản vũ khí, TBKT của những người vắng mặt.

8. Thể thao, tăng gia sản xuất:(Điều 55)

1. Hàng ngày sau giờ lau vũ khí, trang bị, các đơn vị phải tổ chức tập thể thao và tăng gia sản xuất cải thiện đời sống. Thời gian từ 40 đến 45 phút. Người chỉ huy cấp đại đội, trung đội và tương đương căn cứ vào tình hình cụ thể để phân chia lực lượng cho hợp lý và bố trí luân phiên trong tuần để bảo đảm mọi quân nhân đều được tập thể thao và tăng gia sản xuất.

2. Tổ chức tập thể thao buổi chiều căn cứ vào tình hình sân bãi và dụng cụ hiện có để sắp xếp cho mọi quân nhân đều được luyện tập. Nội dung luyện tập theo sự hướng dẫn của ngành thể thao Quân đội.

Người chỉ huy phải trực tiếp tổ chức, hướng dẫn luyện tập. Các môn tập luyện dễ xảy ra tai nạn phải tổ chức bảo đảm an toàn.

3. Tổ chức tăng gia sản xuất để cải thiện đời sống phải chặt chẽ, có kế hoạch thống nhất từng đơn vị. Người chỉ huy phải căn cứ vào tình hình cụ thể của nơi đóng quân để xác định kế hoạch, chỉ tiêu tăng gia sản xuất cho đơn vị được phù hợp. Quân nhân được phân công tăng gia sản xuất phải tích cực, tự giác thực hiện, không được làm việc khác trong giờ tăng gia sản xuất.

9. Đọc báo, nghe tin:(Điều 56)

1. Hàng ngày trước giờ học tập sinh hoạt buổi tối 15 phút quân nhân đều được đọc báo, nghe tin. Việc đọc báo, nghe tin tập trung chỉ tổ chức trong các ngày sinh hoạt tối, còn các ngày khác tự cá nhân nghiên cứu.

2. Đọc báo, nghe tin tập trung được tổ chức ở cấp trung đội hoặc Đại đội và tương đương. Đến giờ quy định mọi quân nhân phải có mặt ở vị trí quy định và giữ trật tự để nghe.

a) Người được phân công phụ trách đọc báo phải chuẩn bị trước để đọc lưu loát để nghe.

b) Người phụ trách hệ thống truyền tin, trước giờ truyền tin phải kiểm tra máy móc bảo đảm nghe tốt.

10. Điềm danh, điểm quân số: (Điều 57)

1. Hàng ngày trước giờ ngủ, phải tiến hành điềm danh, điểm quân số, nhằm quản lý chặt chẽ quân số, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu.

a) Trung đội và tương đương một tuần điềm danh hai lần, các tối khác điểm quân số.

b) Đại đội và tương đương một tuần điềm danh một lần

c)Chỉ huy Tiểu đoàn và tương đương mỗi tuần dự điềm danh của một Đại đội .Thời gian điềm danh hoặc điểm quân số không quá 30 phút. Điềm danh, điểm quân số ở cấp nào do chỉ huy cấp đó trực tiếp tiến hành.

2. Đến giờ điềm danh, điểm quân số mọi quân nhân có mặt tại đơn vị, phải tập hợp thành đội ngũ, trang phục đúng quy định;

a) Chỉ huy đơn vị đọc danh sách các quân nhân ở từng phân đội theo quân số đơn vị quản lý (đọc cấp bậc, họ tên từng quân nhân), quân nhân nghe đọc tên mình phải trả lời “*có*”. Quân nhân vắng mặt người chỉ huy trực tiếp của quân nhân đó trả lời “*vắng mặt*” kèm theo lý do.

b) Điềm danh xong người chỉ huy nhận xét và phổ biến công tác ngày hôm sau.

c) Khi điểm quân số cũng tiến hành như điểm danh nhưng không phải gọi tên. Người chỉ huy trực tiếp kiểm tra quân số thuộc quyền, sau đó báo cáo theo hệ thống tổ chức lên người chỉ huy điểm quân số.

Nhận báo cáo xong, người chỉ huy điểm quân số có thể kiểm tra lại toàn bộ hoặc một số phân đội.

11. Ngủ, nghỉ:(Điều 58)

1. Trước giờ ngủ, trực ban, cán bộ chỉ huy trực tiếp các phân đội phải đôn đốc mọi người chuẩn bị chăn, chiếu, mắc màn để ngủ được đúng giờ. Đến giờ ngủ kiểm tra việc sử dụng ánh sáng và quần áo, giày dép, trang bị để đúng nơi quy định.

2. Quân nhân khi lên giường ngủ phải để quần áo, giày, dép đúng vị trí, thứ tự, gọn gàng, phải trật tự, yên tĩnh.

Những người có việc làm quá giờ đi ngủ phải báo cáo người chỉ huy hoặc trực ban và phải làm việc ở nơi quy định. Những người làm nhiệm vụ về muộn phải nhẹ nhàng vào giường ngủ, không làm ảnh hưởng tới giấc ngủ của người khác.

C. CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ SINH HOẠT TRONG TUẦN

Trong tuần có 3 chế độ:

Thứ tự nội dung từng chế độ như sau:

1. Chào cờ, duyệt đội ngũ.
2. Thông báo chính trị
3. Tổng vệ sinh doanh trại .

*** Thứ tự phương pháp tổ chức thực hiện chế độ trong tuần như sau:**

I. Chào cờ, duyệt đội ngũ: (Điều 59)

1. Cấp đại đội, tiểu đoàn và tương đương ở các đơn vị, các học viện, nhà trường đào tạo sĩ quan, hạ sĩ quan, nhân viên chuyên môn phải tổ chức chào cờ, duyệt đội ngũ vào sáng thứ 2 hàng tuần.

Cơ quan trung, lũ đoàn và các đơn vị trực thuộc của trung, lũ đoàn trong điều kiện đóng quân tập trung phải tổ chức chào cờ, duyệt đội ngũ chung vào sáng thứ hai hàng tuần, do phó trung, lũ đoàn trưởng kiêm tham mưu trưởng hoặc phó trung, lũ đoàn trưởng quân sự chỉ huy. Nếu các đơn vị trực thuộc đóng quân xa cơ quan trung, lũ đoàn thì phải tổ chức chào cờ theo quy định.

2. Cấp trung đoàn và tương đương, học viện, trường; cơ quan cấp sư đoàn; cơ quan quân sự, biên phòng tỉnh (thành) khi đóng quân trong doanh trại tập trung tổ chức chào cờ duyệt đội ngũ 1 lần vào sáng thứ 2 tuần đầu tháng.

a) Cơ quan quân khu, quân chủng, binh chủng, quân đoàn, Bộ đội biên phòng và tương đương, khi đóng quân trong doanh trại tập trung tổ chức chào cờ duyệt đội ngũ toàn cơ quan một lần vào sáng thứ 2 tuần đầu, tháng đầu quý, do 1 thủ trưởng BTL chỉ huy, các tháng khác do từng cục tự tổ chức 1 lần vào sáng thứ 2 tuần đầu tháng.

b) Học viện, trường có quân số nhiều hơn đơn vị cấp trung đoàn trước khi tổ chức chào cờ, duyệt đội ngũ Người chỉ huy phải nắm quân số, quy định vị trí tập trung của từng cơ quan, đơn vị và thứ tự duyệt đội ngũ trong điều hành; khi chỉnh đốn hàng ngũ, người chỉ huy đứng tại vị trí chỉ huy (chính giữa phía trước đội hình) chỉ huy đơn vị không phải về bên phải đội hình chỉnh đốn hàng ngũ.

3. Cơ quan quân sự huyện (quận) đồn biên phòng tổ chức chào cờ 1 lần vào sáng thứ 2 tuần đầu tháng.

4. Trong tuần nếu cấp trên tổ chức chào cờ thì cấp dưới không tổ chức chào cờ.

5. Các đơn vị đóng quân gần địch do tư lệnh quân khu, quân đoàn và tương đương được quyền cho phép đơn vị thuộc quyền không tổ chức chào cờ, duyệt đội ngũ nếu xét thấy không bảo đảm an toàn. Sẵn sàng chiến đấu của đơn vị.

6. Tất cả quân nhân có mặt trong đơn vị phải tham gia chào cờ, trừ người làm nhiệm vụ hoặc đau ốm được người chỉ huy trực tiếp cho phép vắng mặt; quân nhân phải tham gia duyệt đội ngũ.

a) Chào cờ ở cấp nào do người chỉ huy cấp đó chủ trì và điều hành.

b) Chào cờ cơ quan từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên, do phó chỉ huy kiêm tham mưu trưởng hoặc phó chỉ huy quân sự chỉ huy;

c) Đội hình chào cờ, duyệt đội ngũ thực hiện theo quy định của ĐLĐN.

7. Thời gian chào cờ, duyệt đội ngũ được lấy vào giờ hành chính, cấp đại đội, tiểu đoàn và cơ quan có quân số tương đương không quá 30 phút; cấp trung đoàn, nhà trường và cơ quan có quân số tương đương không quá 40 phút.

Đến 18 giờ trong ngày, trực ban nội vụ hạ cờ xuống

II. Thông báo chính trị: (Điều 60)

1. Đối với cấp tiểu đoàn, đại đội độc lập và tương đương, mỗi tuần quân nhân có 30 phút chính thức để nghe thông báo chính trị vào sáng thứ 2 ngay sau khi kết thúc chào cờ và nhận xét tuần, trước khi duyệt đội ngũ.

2. Sĩ quan, QNCN, công chức quốc phòng, công nhân viên quốc phòng một tháng được nghe thông báo chính trị một lần 2 giờ (không tính vào thời gian làm việc chính thức) do cấp trung đoàn và tương đương trở lên tổ chức.

3) Nội dung do cán bộ chính trị phụ trách.

III. Chế độ tổng vệ sinh doanh trại: (Điều 61)

Mỗi tuần các đơn vị phải tổ chức và bố trí thời gian thống nhất để làm tổng vệ sinh doanh trại, đảm bảo môi trường sạch đẹp.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA QUÂN NHÂN TRONG VIỆC THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC, SINH HOẠT, HỌC TẬP VÀ CÔNG TÁC TRONG NGÀY, TRONG TUẦN

1. Thực hiện đúng 10 lời thề danh dự và 12 điều kỷ luật khi quan hệ với nhân dân. Luôn rèn ý chí chiến đấu, khắc phục mọi khó khăn, không sợ hy sinh, gian khổ, quyết tâm hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

2. Tuyệt đối phục tùng lãnh đạo, chỉ huy, chấp hành nghiêm mệnh lệnh, chỉ thị của cấp trên và điều lệnh, điều lệ, chế độ quy định của quân đội.

3. Tích cực học tập chính trị, quân sự, văn hóa, khoa học kỹ thuật và pháp luật để không ngừng nâng cao phẩm chất và năng lực. Rèn luyện thể lực, tác phong chiến đấu và công tác, sử dụng thành thạo vũ khí, khí tài và các phương tiện kỹ thuật được trang bị.

** Giải thích: Quân đội ta là trường học lớn và là nơi rèn luyện mọi quân nhân có đầy đủ những yếu tố cần thiết để phục vụ Quân đội, đáp ứng mọi nhiệm vụ. Vì vậy để đạt được những yêu cầu đó mỗi quân nhân phải tích cực học tập, rèn luyện nắm chắc kỹ thuật, chiến thuật, nâng cao nhận thức về chính trị - văn hóa, làm chủ về khoa học kỹ thuật, phải hiểu biết về pháp luật.*

4. Giữ gìn đoàn kết nội bộ, đề cao tự phê bình và phê bình, trung thực, bình đẳng, thương yêu, tôn trọng, bảo vệ, giúp đỡ lẫn nhau lúc thường cũng như khi chiến đấu.

** Giải thích: Đoàn kết nội bộ , cấp trên, cấp dưới tôn trọng lẫn nhau, nội bộ có tốt thì làm việc gì cũng tốt. Bên cạnh đó mỗi quân nhân chúng ta luôn đề cao tính đấu tranh tự phê bình và phê bình, trung thực, thẳng thắn trong học tập, công tác cũng như trong sinh hoạt, phải có lòng thương yêu lẫn nhau, giúp đỡ và tạo cho nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ...*

5. Giữ gìn vũ khí, trang bị, tài sản của Quân đội, bảo vệ và tiết kiệm của công, không tham ô, lãng phí.

6. Tuyệt đối giữ bí mật của Nhà nước và Quân đội, đề cao cảnh giác cách mạng, nếu bị địch bắt quyết một lòng trung thành với sự nghiệp cách mạng, không phản bội, xưng khai.

*** Giải thích:** *Yếu tố bí mật quân sự và nhà nước là đặc biệt quan trọng, nếu mỗi quân nhân chúng ta tinh thần cảnh giác cách mạng không cao dễ bị kẻ địch lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác để xâm nhập phá hoại. Vì vậy dù ở trong điều kiện hoàn cảnh nào cũng phải luôn đề cao cảnh giác cách mạng, phải tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân.*

7. Đoàn kết, bảo vệ và giúp đỡ nhân dân; tôn trọng lợi ích chính đáng và phong tục tập quán của nhân dân; tuyên truyền vận động nhân dân chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

*** Giải thích:** *Đây là nét đẹp truyền thống quý báu của Quân đội ta, Quân đội ta từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà phục vụ...*

8. Gương mẫu chấp hành pháp luật của Nhà nước, quy tắc sinh hoạt xã hội; bảo vệ cơ quan Đảng và Nhà nước; cùng với nhân dân và chính quyền địa phương, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

9. Nêu cao tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản, làm tròn nghĩa vụ quốc tế, góp phần vào sự nghiệp cách mạng của các dân tộc đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế, vì hòa bình, độc lập dân tộc và CNXH.

*** Giải thích:** *Mỗi quân nhân chúng ta không những làm tròn nghĩa vụ của mình là bảo vệ Đảng, bảo vệ Tổ quốc Việt nam XHCN mà phải nêu cao tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản, giúp đỡ các dân tộc giải phóng đất nước, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, tất cả vì độc lập dân tộc và CNXH.*

10. Chấp hành đúng chính sách đối với tù binh, hàng binh, tích cực tiên hành công tác tuyên truyền đặc biệt.

Tóm lại: Tất cả những nội dung trong 10 chức trách quân nhân đã thể hiện rõ bản chất "Bộ đội cụ Hồ" thể hiện rõ truyền thống của Quân đội cách mạng, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Nêu chế độ làm việc, sinh hoạt học tập và công tác trong ngày, trong tuần?

BÀI 2:

CÁC CHẾ ĐỘ NỀN NẾP CHÍNH QUY, BỐ TRÍ TRẬT TỰ NỘI VỤ TRONG DOANH TRẠI

NỘI DUNG

I. Ý NGHĨA VIỆC THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ NỀN NẾP CHÍNH QUY; BỐ TRÍ TRẬT TỰ NỘI VỤ VỆ SINH TRONG DOANH TRẠI

Quân đội nhân dân Việt Nam đã chiến đấu xây dựng và trưởng thành qua các thời kỳ lịch sử khác nhau. Quá trình chiến đấu xây dựng và tự đúc rút kinh nghiệm, Quân đội ta không ngừng lớn mạnh về mọi mặt, có kỷ luật tự giác nghiêm minh, chiến đấu giành thắng lợi và hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ khác trong những điều kiện mới, đặc biệt trong thời kỳ hiện nay. Có rất nhiều nguyên nhân để Quân đội ta đạt được những thành công trên, trong đó việc cụ thể hoá thành các nội dung chế độ nền nếp chính qui, bố trí trật tự nội vụ vệ sinh trong doanh trại để rèn luyện cho các quân nhân có tác phong công tác cụ thể, tươm tể, rèn luyện sức dẻo dai, bền bỉ để đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng quân đội “*Cách mạng, Chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại*” là một trong những yêu cầu và điều kiện cơ bản, quan trọng.

II. NỘI DUNG CÁC CHẾ ĐỘ NỀN NẾP CHÍNH QUY; BỐ TRÍ TRẬT TỰ NỘI VỤ VỆ SINH TRONG DOANH TRẠI

2.1. Các chế độ nền nếp chính quy

2.1.1. Chế độ công tác người chỉ huy

- Chế độ trách nhiệm: (*Điều 79, mục 8, chương 4/ĐLQLBD*)

Điều 80: Chế độ xây dựng và quản lý kế hoạch

Điều 81: Chế độ giao nhận công tác

Điều 82: Chế độ kiểm tra

Điều 83: Chế độ báo cáo thông báo

Điều 84: Chế độ tự phê bình và phê bình

B. Chế độ làm việc, sinh hoạt, học tập và công tác trong ngày, trong tuần

1. Phân phối thời gian

1.1. Thời gian làm việc trong ngày, trong tuần (Điều 45)

Trong điều kiện bình thường, khi đóng quân trong doanh trại, thời gian làm việc sinh hoạt và nghỉ ngơi trong tuần, trong ngày được phân chia như sau:

* Mỗi tuần làm việc 5 ngày và nghỉ 2 ngày vào thứ bảy và chủ nhật; nếu nghỉ vào ngày khác trong tuần phải do tư lệnh quân khu, quân chủng, quân đoàn và tương đương trở lên quy định thống nhất cho đơn vị thuộc quyền.

a) Ngày lễ, tết được nghỉ theo quy định của nhà nước.

b) Quân nhân làm việc vào ngày nghỉ thì được nghỉ bù. Thời gian và quyền hạn cho quân nhân nghỉ bù do người chỉ huy cấp đại đội và tương đương trở lên quyết định;

c) Ngày nghỉ được tổ chức vui chơi giải trí, hoạt động thể thao, văn hóa, văn nghệ, vệ sinh môi trường nhưng phải dành một thời gian nhất định để quân nhân có điều kiện giải quyết việc riêng;

d) Mỗi ngày làm việc 8 giờ, còn lại là thời gian ngủ, nghỉ sinh hoạt và phải được phân chia cụ thể theo thời gian biểu trong ngày

* Trong điều kiện đặc biệt, thời gian làm việc và nghỉ sẽ có quy định riêng.

1.2. Sử dụng các buổi tối trong tuần (Điều 46):

1. Tất cả các buổi tối trong tuần, (trừ các buổi tối trước và trong ngày nghỉ) phải tổ chức học tập hoặc sinh hoạt. Thời gian học tập, sinh hoạt mỗi buổi tối không quá 2 giờ.

2. Những đêm trước ngày nghỉ có thể ngủ muộn hơn, nhưng không quá 23 giờ và sáng hôm sau thức dậy không quá 7 giờ.

1.3. Thời gian làm việc của từng mùa (Điều 47)

1. Thời gian làm việc 2 mùa quy định như sau:

a) Mùa nóng từ ngày 01 tháng 4 đến 31 tháng 10;

b) Mùa lạnh từ ngày 01 tháng 11 đến 31 tháng 3 năm sau.

2. Thời gian biểu làm việc hàng ngày theo từng mùa do tư lệnh quân khu, quân chủng, quân đoàn và tương đương trở lên quy định.

2. Chế độ làm việc và sinh hoạt trong ngày

Trong ngày có 11 chế độ.

Thứ tự nội dung từng chế độ như sau:

1. Treo quốc kỳ
2. Thức dậy
3. Thể dục sáng
4. Kiểm tra sáng
5. Học tập
6. Ăn uống
7. Bảo quản vũ khí, khí tài, trang bị.
8. Thể thao, tăng gia, sản xuất
9. Đọc báo, nghe tin
10. Điểm danh, điểm quân số
11. Ngủ, nghỉ

3. Chế độ làm việc và sinh hoạt trong tuần

Trong tuần có 3 chế độ:

Thứ tự nội dung từng chế độ như sau:

1. Chào cờ, duyệt đội ngũ.
2. Thông báo chính trị
3. Tổng vệ sinh doanh trại .

C. Phong cách quân nhân.

1. Phong cách quân nhân (Điều 36)

1. Trong quan hệ quân nhân, mọi QN phải giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng và nghiêm chỉnh tuân theo những yêu cầu của sinh hoạt xã hội. Trong quan hệ với nhân dân, quân nhân phải kính trọng người già, yêu mến trẻ em, tôn trọng phụ nữ.

2. Quân nhân phải là người có ý thức tổ chức kỷ luật, có tinh thần đoàn kết, tương trợ và có nếp sống văn minh, lành mạnh; thái độ hoà nhã, khiêm tốn; biết tự chủ và tự trọng trong lời nói cũng như trong hành động.

a) Mang mặc quân phục phải theo đúng quy định của Quân đội. Không viết vẽ lên quân phục.

b) Đầu tóc phải gọn gàng, không xăm chàm trên thân thể, chỉ được nhuộm tóc màu đen, nam quân nhân tóc mai, tóc gáy cắt ngắn, không để râu. Nữ quân nhân khi mặc quân phục phải búi tóc gọn gàng sau gáy, búi tóc được buộc trong túi lưới, không ảnh hưởng đến tác phong khi đội mũ.

c) Đi, đứng phải giữ đúng tư thế, tác phong quân nhân, khi đi tập thể thành đội ngũ, có người chỉ huy.

d) gương mẫu chấp hành pháp luật Nhà nước và những quy tắc sinh hoạt xã hội.

3) Cấm uống rượu, bia trong khi thực hiện nhiệm vụ; uống say rượu, bia ở mọi lúc, mọi nơi; hút thuốc lá nơi công cộng: mua, bán, tàng trữ và sử dụng các chất kích thích, chất gây nghiện dưới bất kỳ hình thức nào theo quy định của pháp luật.

2. Xưng hô - chào hỏi

a. Xưng hô (Điều 37)

1. Quân nhân gọi nhau bằng “Đồng chí” và tự xưng “Tôi” sau tiếng “Đồng chí” có thể gọi tiếp cấp bậc, chức vụ, họ tên người mà mình định tiếp xúc. Đối với cấp trên có thể gọi là “thủ trưởng”.

2. Nghe gọi đến tên, quân nhân phải trả lời “Có” khi nhận lệnh hoặc trao đổi công việc xong quân nhân phải nói “Rõ”.

3. Trong lúc nghỉ ngơi, quân nhân có thể xưng hô với nhau theo tập quán thông thường.

b. Báo cáo cấp trên (Điều 38)

1. Khi trực tiếp báo cáo, quân nhân phải chào và tự giới thiệu đầy đủ họ tên, chức vụ, đơn vị của mình trên một cấp và báo cáo theo chức vụ của cấp trên, khi không biết chức vụ, thì báo cáo theo cấp bậc, báo cáo xong nội dung phải nói “Hết”.

2. Đối với cấp trên trực tiếp khi báo cáo quân nhân không phải tự giới thiệu họ, tên, chức vụ, đơn vị của mình.

3. Khi báo qua các phương tiện thông tin, quân nhân phải giới thiệu đủ họ, tên, cấp bậc, chức vụ, đơn vị của mình. Nghiêm cấm mạo danh, giả mạo cấp bậc, chức vụ, đơn vị.

c. Đến gặp cấp trên (Điều 39)

1. Quân nhân đến gặp cấp trên phải chào, báo cáo xin gặp, khi được phép của cấp trên mới được gặp. Trước khi ra về phải chào cấp trên.

Khi đến gặp cấp trên ở phòng làm việc, nếu đóng cửa thì trước khi vào phải gõ cửa, khi được phép mới vào.

2. Khi quân nhân cấp dưới đề nghị gặp, cấp trên phải thu xếp thời gian để sớm gặp quân nhân đó. Nếu chưa gặp được phải báo cho quân nhân đó rừ lý do hoặc hẹn gặp vào thời gian khác, do mình quy định.

d. Chào hỏi (Điều 40)

1. Quân nhân phải chào khi gặp nhau. Cấp dưới phải chào cấp trên trước, người được chào phải chào đáp lễ.

2. Quân nhân chào bằng động tác trong các trường hợp sau:

a) Quân gặp nhau hoặc khi tiếp xúc với người ngoài quân đội và người nước ngoài.

b) Gặp quân kỳ trong đội ngũ.

c) Dự lễ lúc chào Quốc kỳ.

d) Mặc niệm.

đ) Báo cáo, nhận lệnh trước cấp trên và khi rời khỏi cấp trên.

e) Gặp các đồng chí lãnh đạo Đảng chính quyền.

g) Nhận phần thưởng.

h) Trước khi bắt tay đáp lễ cấp trên.

i) Gặp linh cữu có đơn vị Quân Đội đi đưa.

k) Khi được giới thiệu, trước và sau khi phát biểu lần đầu tiên trên bục phát biểu trong hội nghị, khi giới thiệu chương trình và khi tham gia hoạt động văn hoá văn nghệ.

3. Các cơ quan, đơn vị phải tổ chức chào đón khách đến thăm và dự lễ tại cơ quan, đơn vị theo nghi thức quân đội trong các trường hợp sau:

a) Các đồng chí lãnh đạo Đảng, nhà nước

- Tổng bí thư Đảng cộng sản Việt Nam;

- Chủ tịch và phó chủ tịch nước;

- Chủ tịch và phó chủ tịch quốc hội.

- Thủ tướng và phó thủ tướng chính phủ.

b) Các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy quân đội.

- Bộ trưởng Bộ quốc phòng.

- Tổng Tham mưu trưởng.

- Chủ nhiệm Tổng cục chính trị.

c) Khách nước ngoài đến thăm chính thức đơn vị do Bộ Quốc Phòng chỉ thị tổ chức đón. Cục đối ngoại Bộ Quốc phòng, giúp thủ trưởng Bộ chỉ đạo hướng dẫn cụ thể việc đón tiếp khách nước ngoài theo Quy chế đối ngoại quân sự của Bộ Quốc phòng.

4. Chỉ huy cơ quan, đơn vị thực hiện chào cấp trên đến đơn vị thuộc quyền như sau:

a) Đơn vị đang học tập, công tác, sinh hoạt tập trung thì người chỉ huy, người phụ trách hoặc giáo viên hô “dậy” (nếu đang ngồi) và hô “Nghiêm” rồi ra chào báo cáo.

Trường hợp người chỉ huy, người phụ trách hoặc giáo viên phụ trách (giáo viên) chưa trông thấy cấp trên thì quân nhân nào trong đơn vị thấy cấp trên trước phải báo cáo ngay cho người chỉ huy, người phụ trách hoặc giáo viên đơn vị biết.

b) Trường hợp đơn vị đã chào cấp trên, nhưng sau đó lại có cấp trên khác đến:

- Nếu cấp trên đến sau có chức vụ hoặc cấp bậc cao hơn người đến trước thì người chỉ huy, người phụ trách hoặc giáo viên phụ trách đơn vị phải hô “ nghiêm “ rồi ra chào, báo cáo.

- Nếu cấp trên đến sau có chức vụ cấp bậc bằng hoặc thấp hơn người đến trước thì người chỉ huy người phụ trách hoặc giáo viên đơn vị đến báo cáo riêng.

c) Trường hợp có cả Phó Tổng tham mưu trưởng và Phó chủ nhiệm Tổng cục chính trị cùng đến các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ hoặc cơ quan đơn vị cấp dưới (trừ Bộ Tổng tham mưu và Tổng cục Chính trị) thì người chỉ huy, chính uỷ (chính trị viên) hoặc ban tổ chức hội nghị, nghi lễ phải chào báo cáo đồng chí là trưởng đoàn, nếu không có trưởng đoàn thì chào báo cáo Phó Tổng tham mưu trưởng.

d) Trường hợp có cả người chỉ huy, chính uỷ (chính trị viên) cấp trên cùng đến cơ quan, đơn vị thuộc quyền, thì người chỉ huy hoặc chính uỷ (chính trị viên) hoặc ban tổ chức hội nghị, nghi lễ chào báo cáo người chỉ huy.

đ) Trường hợp có cả tham mưu trưởng (phó tham mưu trưởng), chủ nhiệm chính trị (phó chủ nhiệm chính trị) các cấp khi đến cơ quan cùng cấp (trừ cơ quan tham mưu và cơ quan chính trị) hoặc cơ quan, đơn vị cấp dưới thuộc quyền thì người chỉ huy, chính uỷ (chính trị viên) hoặc ban tổ chức hội nghị, nghi lễ chào báo cáo đồng chí là trưởng đoàn, nếu không có trưởng đoàn thì chào báo cáo tham mưu trưởng (phó tham mưu trưởng).

D. Quy định treo các loại biển, bảng

1. Quy định bảng treo nơi làm việc của cơ quan.

2 Quy định bảng treo nơi làm việc của đơn vị.

a. Phòng làm việc của chỉ huy.

b. Phòng giao ban của cấp đại đội.

c. Trong nhà ở của bộ đội

- Chức trách của tiểu đội trưởng, khẩu đội trưởng, trung đội trưởng.

- Chức trách chiến sĩ.

- Chức trách quân nhân.

- Nội dung biện pháp xây dựng chính quy (4 nội dung, 7 biện pháp, trích chỉ thị 37 /CTĐUQSTU).

- 12 Điều kỷ luật khi quan hệ với nhân dân của quân nhân.

- 10 Lời thề danh dự của quân nhân.

- Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác, trong ngày, trong tuần.

d. Phòng trực ban nội vụ đơn vị.

*** BỐ TRÍ TRẬT TỰ NỘI VỤ VỆ SINH TRONG DOANH TRẠI**

1. Tổ chức đóng quân trong doanh trại phải đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu, thuận tiện công tác, huấn luyện, sinh hoạt, bảo vệ sức khỏe. Phải bảo đảm cho mọi Quân nhân được ăn, ở, sinh hoạt trong doanh trại theo đúng tiêu chuẩn qui định của Nhà nước, Quân đội.

2. Quân nhân không được ăn, ở tại nơi cất giữ tài liệu mật; nơi để lương thực, thực phẩm, nhà kho; nơi để trang thiết bị kỹ thuật; nơi để xe pháo, phòng thí nghiệm.

Không để người ngoài Quân đội ăn, ở, sinh hoạt trong doanh trại.

3. Doanh trại đóng quân phải có các loại biển tên, các loại bảng thông nhất từ cổng doanh trại đến từng loại nhà.

4. Nhà ngủ là nơi ở và sinh hoạt hàng ngày ngoài giờ làm việc, huấn luyện của Quân nhân trong thời gian tại ngũ. Nhà ngủ phải thoáng mát, hợp vệ sinh, có biện pháp chống nóng, chống rét, chống đột.

Sắp xếp nhà ngủ cho phân đội, phòng ngủ cho từng Quân nhân phải theo tiêu chuẩn thống nhất qui định cho từng đối tượng.

Việc sắp xếp trong phòng ngủ phải căn cứ tình hình thực tế để qui định thống nhất, gọn gàng, thuận tiện.

Bố trí nhà ở của bộ đội phải có dây phơi quần áo, dây phơi khăn mặt, dây mắc màn, giá để ba lô, mũ, giá để giày, dép, giá (tủ) súng, các loại bảng, biển theo qui định của BTTM và phải thống nhất cho từng loại nhà. Giường phải kê thẳng hàng, có biển tên quân nhân, có lối ra vào thuận tiện.

Vũ khí trang bị cá nhân phải để trên giá súng hoặc trong tủ súng, đặt ở nơi qui định, thuận tiện cho bảo quản và sử dụng. Tại vị trí để súng có biển tên và số súng của Quân nhân giữ súng; vũ khí, khí tài mang vác tập thể phải để đúng nơi qui định.

5. Quân nhân có người nhà, bạn bè đến thăm phải báo cáo người chỉ huy trực tiếp và được đón tiếp ở nơi qui định, không được đưa vào doanh trại. Không tiếp người nhà, bạn bè trong giờ làm việc. Trường hợp cần thiết phải được phép của người chỉ huy.

6. Phải duy trì kỷ luật, trật tự an toàn, sẵn sàng chiến đấu và chấp hành nghiêm các qui định của chỉ huy, các qui chế, hướng dẫn của người chỉ huy đơn vị về xây dựng đơn vị VMTD.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA QUÂN NHÂN TRONG VIỆC THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ NỀN NẾP CHÍNH QUY; BỐ TRÍ TRẬT TỰ NỘI VỤ VỆ SINH TRONG DOANH TRẠI

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Nêu các chế độ nền nếp chính quy, trình bày phong cách quân nhân? Theo em trong học tập sinh hoạt quân nhân xưng hô với như thế nào?

BÀI 3:

HIỂU BIẾT CHUNG VỀ CÁC QUÂN BINH CHỦNG TRONG QUÂN ĐỘI

A. NỘI DUNG BÀI GIẢNG

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÁC QUÂN, BINH CHỦNG TRONG QUÂN ĐỘI

2.1. Quân chủng Lục quân

2.1.1. Những vấn đề chung về Lục Quân

Lục quân Việt Nam không tổ chức thành bộ tư lệnh riêng mà đặt dưới sự chỉ đạo, chỉ huy trực tiếp của Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị; sự chỉ đạo chuyên ngành của các tổng cục và cơ quan chức năng khác. Khi mới thành lập, Quân đội nhân dân Việt Nam chỉ có lục quân với bộ binh là chính. Qua quá trình xây dựng, Lục quân đã từng bước phát triển cả về quy mô tổ chức và lực lượng phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và phương thức tác chiến của chiến tranh nhân dân Việt Nam.

Lục quân có 07 quân khu (1, 2, 3, 4, 5, 7, 9) và Bộ tư lệnh Thủ đô Hà Nội; 06 binh chủng (gồm Pháo binh, Tăng - Thiết giáp, Công binh, Thông tin, Hoá học, Đặc công); 04 quân đoàn (1, 2, 3, 4). Các quân khu, quân đoàn, binh chủng có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính uỷ và Phó Chính uỷ; các cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật và các đơn vị trực thuộc khác. Các quân khu được tổ chức trên các hướng chiến lược và theo địa bàn. Quân khu có các sư đoàn và trung đoàn chủ lực trực thuộc. Quân khu chỉ huy các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn của quân khu. Quân đoàn là đơn vị cơ động lớn nhất của Lục quân, được bố trí để bảo vệ các địa bàn chiến lược trọng yếu của quốc gia, Quân đoàn có các sư đoàn và các đơn vị trực thuộc. Các binh chủng tham gia tác chiến hợp đồng quân binh chủng theo phân công đồng thời thực hiện chức năng bảo đảm kỹ thuật và huấn luyện, đào tạo sĩ quan, nhân viên kỹ thuật theo các chuyên ngành cho toàn quân. Các binh chủng có các đơn vị chiến đấu trực thuộc, các trường sĩ quan và trường kỹ thuật theo chuyên ngành.

2.1.2. Giới thiệu chung về các binh chủng của Lục Quân

Lục quân là một quân chủng trong quân đội hoạt động chủ yếu trên mặt đất, thường có số quân đông nhất, có trang bị và phương thức tác chiến đa dạng, phong phú. Là lực lượng chính quyết định kết cục của chiến tranh.

- **Bộ binh**: Là lực lượng chủ yếu của lục quân, được trang bị nhẹ để tác chiến trên bộ; đảm nhiệm chức năng chủ yếu là tiêu diệt đối phương, đánh

chiếm trận địa của chúng và giữ vững trận địa của mình. Là binh chủng cổ nhất trong lịch sử và thường là binh chủng đầu tiên được xây dựng trong các quân đội. Từ giữa thế kỉ 20, phần lớn các nước công nghiệp có xu hướng phát triển BB thành BB cơ giới.

- **Bộ binh cơ giới:** Bộ binh được trang bị xe chiến đấu bọc thép để cơ động và chiến đấu, có thể thực hành chiến đấu ngay trên xe hoặc với đội hình đi bộ. So với bộ binh, BBCG được trang bị hỏa lực mạnh hơn và có sức cơ động cao hơn.

- **Pháo binh:** Lực lượng hỏa lực chủ yếu của lực quân, thường được trang bị các loại pháo, tên lửa và súng cối, dùng để sát thương, tiêu diệt các mục tiêu và trực tiếp chi viện hỏa lực cho các lực lượng tác chiến trên mặt đất, mặt nước, có thể chiến đấu hiệp đồng hoặc độc lập.

- **Tăng - thiết giáp:** Chịu trách nhiệm tác chiến đột kích trên bộ và đổ bộ (hải quân), được trang bị các loại xe tăng, xe thiết giáp, với hỏa lực mạnh, sức cơ động cao.

- **Đặc công:** Một lực lượng đặc biệt tinh nhuệ được tổ chức, trang bị và huấn luyện đặc biệt, có phương pháp tác chiến linh hoạt, táo bạo, bất ngờ, thường dùng để đánh các mục tiêu hiểm yếu nằm sâu trong đội hình chiến đấu, bố trí chiến dịch và hậu phương của địch.

- **Công binh:** Có chuyên môn kỹ thuật với chức năng bảo đảm công binh trong chiến đấu và xây dựng, có thể trực tiếp chiến đấu bằng vũ khí công binh.

- **Thông tin liên lạc:** Có chức năng bảo đảm thông tin liên lạc cho hệ thống chỉ huy trong toàn quân.

- **Hóa học:** Một binh chủng chuyên môn kỹ thuật, có chức năng bảo đảm hóa học cho tác chiến, làm nòng cốt trong việc phòng chống vũ khí hủy diệt lớn, nguy trang bảo vệ các mục tiêu quan trọng của quân đội, nghi binh đánh lừa địch bằng màn khói. Bộ đội Hóa học còn có thể trực tiếp chiến đấu bằng vũ khí bộ binh và súng phun lửa.

Như vậy, Lực quân và Bộ binh hoàn toàn khác nhau. Lực quân là một quân chủng trong quân đội. Bộ binh là một binh chủng chủ yếu của quân chủng Lực quân, gồm những người lính chiến đấu chủ yếu ở trên bộ, được trang bị các loại vũ khí nhỏ (súng trường, súng lục, lựu đạn...), mặc dù họ có thể được đưa đến chiến trường bằng ngựa, tàu thuyền, ô-tô, máy bay hay các phương tiện khác.

2.1.3. Giới thiệu chung về các Quân khu và BTL Thủ đô

- Quân khu 1

Là đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam, nằm ở vị trí địa - chính trị chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và đối

ngoại trong thế bố trí chung của cả nước, bảo vệ vùng Đông Bắc gồm 6 tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh. Có nhiệm vụ tổ chức, xây dựng, quản lý và chỉ huy lực lượng vũ trang 3 thứ quân; thường xuyên nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, chú trọng nâng cao chất lượng huấn luyện, khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang ba thứ quân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc; tích cực tham gia công tác cứu hộ, cứu nạn, giúp nhân dân khắc phục hậu quả thiên tai, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. Tư lệnh kiêm Chính uỷ đầu tiên của Quân khu 1 là đồng chí Đàm Quang Trung.

Hiện nay, Quân khu 1 có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính uỷ và Phó Chính uỷ; các cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, các sư đoàn và trung đoàn chủ lực và các đơn vị trực thuộc khác. Quân khu 1 chỉ huy các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn của quân khu

Ngày truyền thống: 16/10/1945

Truyền thống vẻ vang:

“TRUNG HIẾU, TIỀN PHONG, ĐOÀN KẾT, CHIẾN THẮNG”

- Quân khu 2

Quân khu 2 trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam, nằm ở vị trí địa - chính trị chiến lược bảo vệ vùng Tây Bắc gồm 9 tỉnh: Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Hà giang, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc. Có nhiệm vụ tổ chức, xây dựng, quản lý và chỉ huy các cơ quan, đơn vị trực thuộc; các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn quân khu. Tư lệnh và Chính uỷ đầu tiên của Quân khu 2 là các đồng chí Bằng Giang, Bùi Quang Tạo.

Hiện nay, Quân khu 2 có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính uỷ và Phó Chính uỷ; các cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, các sư đoàn và trung đoàn chủ lực và các đơn vị trực thuộc khác. Quân khu 2 chỉ huy các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn của quân khu.

Ngày truyền thống: 19/10/1946

Truyền thống vẻ vang:

“TRUNG THÀNH, TỰ LỰC, ĐOÀN KẾT, ANH DŨNG, CHIẾN ĐẤU”

- Quân khu 3

Quân khu 3 trực thuộc Bộ Quốc phòng, nằm ở vị trí địa - chính trị chiến lược bảo vệ vùng Đồng bằng sông Hồng gồm 9 tỉnh: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nam, Hòa Bình.

Có nhiệm vụ tổ chức, xây dựng, quản lý và chỉ huy các cơ quan, đơn vị trực thuộc; các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn quân khu. Tư lệnh, Chính uỷ đầu tiên của Quân khu 3 là các đồng chí Hoàng Sâm, Trần Độ.

Hiện nay, Quân khu 3 có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính uỷ và Phó Chính uỷ; các cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, các sư đoàn và trung đoàn chủ lực và các đơn vị trực thuộc khác. Quân khu 3 chỉ huy các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn của quân khu.

Ngày truyền thống: 31/10/1945.

Truyền thống vẻ vang:

“ĐOÀN KẾT, CHỦ ĐỘNG, SÁNG TẠO, HY SINH, CHIẾN THẮNG”

- Quân khu 4

Quân khu 4 trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam, nằm trên một địa bàn chiến lược trong thế trận chiến tranh nhân dân Việt Nam, bảo vệ vùng Bắc Trung Bộ gồm 6 tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế có nhiệm vụ chỉ huy, quản lý và tổ chức lực lượng vũ trang quân khu chiến đấu bảo vệ vùng Bắc Trung Bộ Việt Nam.

Thực hiện chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 15/10/1945 Chiến khu 4 được thành lập gồm 6 tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế và ngày này trở thành Ngày truyền thống của lực lượng vũ trang Quân khu 4. Ngày 03/6/1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Sắc lệnh số 17/SL về việc thành lập Quân khu 4 trên cơ sở Liên khu 4.

Tư lệnh, Chính uỷ đầu tiên của Quân khu 4 là các đồng chí Nguyễn Đôn, Chu Huy Mân.

Hiện nay, Quân khu 4 có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính uỷ và Phó Chính uỷ; các cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, các sư đoàn và trung đoàn chủ lực và các đơn vị trực thuộc khác. Quân khu 4 chỉ huy các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn của quân khu.

Ngày truyền thống: 15/10/1945

- Quân khu 5

Quân khu 5 trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam, hiện nay có chức năng nhiệm vụ cơ bản là tổ chức, xây dựng, quản lý và chỉ huy lực lượng vũ trang thuộc Quân khu chiến đấu bảo vệ vùng Nam Trung Bộ, xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân ở địa phương trên địa bàn. Địa bàn Quân khu 5 bắt đầu từ đèo Hải Vân đến cực nam tỉnh Ninh Thuận, bảo vệ vùng Nam Trung Bộ gồm

11 tỉnh thành phố: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk và Đắk Nông. Tổ chức hiện nay có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh; Chính uỷ và Phó Chính uỷ; các cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, các sư đoàn, trung đoàn chủ lực và các đơn vị trực thuộc. Ngày truyền thống: 16/10/1945 Truyền thống vẻ vang:

“TỰ LỰC TỰ CƯỜNG, KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN, CHỊU ĐỰNG GIAN KHỔ, MUỖ TRÍ SÁNG TẠO, CHIẾN ĐẤU KIÊN CƯỜNG, CHIẾN THẮNG VẺ VANG”.

- Quân khu 7

Quân khu 7 là tổ chức quân sự theo vùng lãnh thổ, được thành lập ngày 10/12/1945, bao gồm thành phố Sài Gòn và các tỉnh Gia Định, Chợ Lớn, Bà Rịa, Biên Hòa, Thủ Dầu Một và Tây Ninh. nằm trên một địa bàn chiến lược trong thế trận chiến tranh nhân dân Việt Nam, bảo vệ vùng Đông Nam Bộ. Nay gồm Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh: Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận, Đồng Nai, Lâm Đồng, Long An và Tây Ninh.

Trong 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, lực lượng vũ trang Quân khu 7 vừa xây dựng vừa chiến đấu, từ trong muôn vàn thiếu thốn, gian khổ hy sinh, đã sáng tạo ra những cách đánh hết sức độc đáo, có hiệu quả, lập nên nhiều chiến công xuất sắc ở cả ba vùng đô thị, đồng bằng và rừng núi, góp phần làm chuyển đổi cục diện chiến trường, lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh của địch, cùng quân và dân cả nước làm nên trận Điện Biên Phủ và cuộc Tổng tiến công mùa Xuân năm 1975.

Trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến tranh giải phóng dân tộc, lực lượng vũ trang Quân khu 7 thực hành quân quản, sắp xếp lại lực lượng, khắc phục hậu quả chiến tranh, tham gia xây dựng chế độ xã hội mới: Vừa đánh bại kiểu chiến tranh phá hoại của địch, xây dựng tiềm lực quân sự - quốc phòng, vừa kiên cường chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam, làm nhiệm vụ Quốc tế xây dựng và bảo vệ đất nước Campuchia, góp phần đập tan chế độ diệt chủng Pôn Pốt. Trong bối cảnh lịch sử mới, lực lượng vũ trang Quân khu 7 tập trung xây dựng đơn vị cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại, ra sức huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Quân khu 9

Quân khu 9 trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt nam nằm trên một địa bàn chiến lược trong thế trận chiến tranh nhân dân Việt Nam, bảo vệ vùng Đồng

bằng Sông Cửu long gồm 12 tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Cần Thơ, An Giang, Hậu Giang, Kiên giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau. Có nhiệm vụ quản lý, tổ chức, xây dựng và chỉ huy quân đội chiến đấu bảo vệ vùng Đồng bằng Sông Cửu long Việt Nam. Tư lệnh và Chính uỷ đầu tiên của Quân khu 9 là các đồng chí Nguyễn Thành Thơ, Nguyễn Văn Bé.

Hiện nay, Quân khu 9 có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính uỷ và Phó Chính uỷ; các cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, các sư đoàn và trung đoàn chủ lực và các đơn vị trực thuộc khác. Quân khu 9 chỉ huy các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn của quân khu.

Ngày truyền thống: 10/12/1945.

- Bộ Tư Lệnh Thủ đô Hà Nội

Ra đời từ phong trào cách mạng của quần chúng, lực lượng vũ trang (LLVT) Thủ đô Hà Nội là một bộ phận quan trọng của LLVT nhân dân Việt Nam đã kế thừa, phát huy truyền thống anh hùng bất khuất chống ngoại xâm của Thủ đô Hà Nội, truyền thống “Ngàn năm văn hiến Thăng Long - Hà Nội” cùng các tầng lớp nhân dân Thủ đô viết nên trang sử hào hùng, góp phần làm rạng danh non sông đất nước.

Để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài, toàn dân, toàn diện, ngày 19/10/1946, Chiến khu XI - Tổ chức hành chính quân sự thống nhất của các LLVT Thủ đô Hà Nội được thành lập. Chiến khu XI đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương. Ngày 25/7/1947 trước yêu cầu của cuộc kháng chiến, Trung ương ra quyết định địa bàn hoạt động của Chiến khu XI được mở rộng bao gồm: Hà Nội, Hà Đông và Sơn Tây. Qua Hội thảo khoa học và thực tiễn hoạt động quân sự, quốc phòng của Chiến khu XI đã mang đầy đủ tính chất chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội ngày nay. Vì vậy, ngày 19/10/1946 là ngày truyền thống của LLVT Thủ đô Hà Nội theo Quyết định số 1850/QĐ-QP ngày 31/5/2010 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

2.1.4. Giới thiệu chung về các Quân đoàn

Quân đội nhân dân Việt Nam có các Quân đoàn 1, 2, 3 và 4. Mỗi quân đoàn có 3-5 sư đoàn bộ binh và các đơn vị thiết giáp, công binh, pháo binh, phòng không, thông tin, hóa học...

- Quân đoàn 1: “Thần tốc - Quyết thắng”

Là quân đoàn chủ lực cơ động đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam, được thành lập ngày 24/10/1973. Tư lệnh, Chính uỷ đầu tiên của Quân đoàn 1 là các đồng chí Lê Trọng Tấn, Lê Quang Hoà. Quân đoàn 1 hiện nay có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính uỷ, Phó Chính uỷ; các cơ quan chức năng đảm nhiệm

các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật và các đơn vị trực thuộc khác. Ngày 24/10/1973, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Bí thư Quân uỷ Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã ký Quyết định số 124/QĐ-QP thành lập Quân đoàn 1. Ngay sau khi thành lập, trong điều kiện vừa ổn định tổ chức biên chế, vừa huấn luyện và xây dựng, chuẩn bị cơ sở vật chất kỹ thuật, Quân đoàn 1 đã khẩn trương xây dựng Quân đoàn thành một Binh đoàn chủ lực, cơ động chiến lược của Quân đội nhân dân Việt Nam: có khả năng chiến đấu cao, cơ động lớn, đột kích mạnh, có khả năng tác chiến tập trung hiệp đồng quân binh chủng quy mô lớn. Ngày nay, trước yêu cầu nhiệm vụ mới, các đơn vị của Quân đoàn 1 được trang bị thêm nhiều vũ khí trang bị kỹ thuật hiện đại; tổ chức nhiều cuộc diễn tập chiến đấu hiệp đồng quân binh chủng phục vụ công tác nghiên cứu khoa học - nghệ thuật quân sự hoặc “làm mẫu” thực nghiệm cho toàn quân huấn luyện chiến đấu.

- Quân đoàn 2: “Thần tốc, táo bạo, quyết thắng”

Quân đoàn 2 là quân đoàn chủ lực cơ động của QĐND Việt Nam, được thành lập ngày 17/5/1974, tại Trị - Thiên. Tư lệnh, Chính uỷ đầu tiên của Quân đoàn là các đồng chí Hoàng Văn Thái, Lê Linh. Quân đoàn 2 hiện nay có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính uỷ, Phó Chính uỷ; các cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật và các đơn vị trực thuộc khác.

Chấp hành Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 21 Ban chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường quân sự tiến tới thống nhất đất nước, tháng 10/1973 Quân uỷ Trung ương và Bộ Quốc phòng đề nghị Bộ Chính trị thành lập các quân đoàn chủ lực của Quân đội nhân dân Việt Nam. Theo đó, ngày 17/5/1974, Quân đoàn 2 được thành lập tại Ba Nang - Ba Lòng - Quảng Trị.

Ngày nay, trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Quân đoàn thường xuyên huấn luyện, tổ chức các cuộc diễn tập nghiên cứu, thực nghiệm, kiểm tra với quy mô lớn để từng bước hoàn chỉnh các phương án, hình thức tác chiến mới phù hợp với chiến lược quốc phòng - an ninh của Đảng trong thời kỳ mới; đồng thời nỗ lực xây dựng đơn vị vững mạnh về mọi mặt, xứng đáng với truyền thống “Thần tốc, táo bạo, quyết thắng” trong chiến đấu; “chủ động, tích cực, sáng tạo” trong xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, ngày càng hiện đại, thực sự là “quả đấm thép” chủ lực của Bộ Quốc phòng.

- Quân đoàn 3

Là quân đoàn chủ lực cơ động của Quân đội nhân dân Việt Nam, được thành lập ngày 26/3/1975. Tư lệnh, Chính uỷ đầu tiên của Quân đoàn 3 là các đồng chí Vũ Lăng, Đặng Vũ Hiệp. Quân đoàn 3 hiện nay có Tư lệnh và các Phó

Tư lệnh, Chính uỷ, Phó Chính uỷ; các cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật và các đơn vị trực thuộc khác.

- Quân đoàn 4

Là quân đoàn chủ lực cơ động của Quân đội nhân dân Việt Nam, được thành lập ngày 20/7/1974. Tư lệnh và Chính uỷ đầu tiên của Quân đoàn 4 là các đồng chí Hoàng Cầm, Hoàng Thế Thiện. Quân đoàn 4 hiện nay có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính uỷ, Phó Chính uỷ; các cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật và các đơn vị trực thuộc khác.

2.2. Quân chủng Hải quân

2.2.1. Chức năng, nhiệm vụ các binh chủng của quân chủng Hải quân

- Chức năng nhiệm vụ

Quân chủng Hải quân là một quân chủng thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam, còn gọi là Hải quân Nhân dân Việt Nam, là lực lượng nòng cốt bảo vệ chủ quyền quốc gia của Việt Nam trên biển. Hải quân nhân dân Việt Nam có nhiệm vụ quản lý và kiểm soát chặt chẽ các vùng biển, hải đảo thuộc chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông; giữ gìn an ninh, chống lại mọi hành vi vi phạm chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia của Việt Nam trên biển; bảo vệ các hoạt động bình thường của Việt Nam trên các vùng biển đảo, theo quy định của luật pháp quốc tế và pháp luật Việt Nam; bảo đảm an toàn hàng hải và tham gia tìm kiếm cứu nạn theo pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, sẵn sàng hiệp đồng chiến đấu với các lực lượng khác nhằm đánh bại mọi cuộc tiến công xâm lược trên hướng biển.

Bộ tư lệnh Hải quân chỉ huy toàn bộ lực lượng Hải quân nhân dân Việt Nam. Bộ Tư lệnh có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính uỷ và Phó Chính uỷ, các cơ quan đảm nhiệm các mặt công tác quân sự; công tác đảng, công tác chính trị; kỹ thuật; hậu cần.

Hải quân nhân dân Việt Nam có 5 vùng Hải quân (1, 2, 3, 4, 5) và các đơn vị trực thuộc. Lực lượng chủ yếu của Hải quân nhân dân Việt Nam là các đơn vị tàu mặt nước, tàu ngầm, pháo - tên lửa bờ biển; hải quân đánh bộ; đặc công hải quân và các đơn vị phòng thủ đảo. Hải quân nhân dân Việt Nam đã được tăng cường lực lượng và phương tiện để làm tốt nhiệm vụ tìm kiếm và cứu nạn.

Trong tương lai, Hải quân nhân dân Việt Nam được tăng cường trang bị vũ khí hiện đại, nâng cao sức mạnh chiến đấu để có đủ khả năng hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và các lợi ích quốc gia trên biển của Việt Nam.

- Các binh chủng của quân chủng Hải Quân

+ *Hải quân đánh bộ - quả đấm thép*

Lính Hải quân đánh bộ còn được gọi là đặc công Hải quân, là lực lượng tác chiến đặc biệt tinh nhuệ. Họ đều bơi rất giỏi, trang bị trên người có thể lên đến 40kg hoặc ít hơn tùy nhiệm vụ, chiến đấu như bộ binh nhưng lại phải thành thạo kỹ thuật đánh gần cũng như cách đánh các loại mục tiêu kiên cố, độc lập tác chiến trong điều kiện chỉ huy thông tin hạn chế. Khi có chiến tranh xảy ra mà chiến trường là đảo do ta quản lý bị nước ngoài đánh chiếm thì hải quân đánh bộ phải lấy lại được đảo, không lực lượng nào có thể thay thế.

+ *Tàu ngầm Kilo 636 “hổ đen đại dương”*

Các tàu ngầm Kilo mà Nga đóng cho Việt Nam là loại tiên tiến, được gọi là "hổ đen đại dương" bởi khả năng ẩn mình gần như hoàn hảo của nó.

Đội hình 6 tàu ngầm Kilo có số hiệu từ 182 đến 187 lần lượt mang tên Hà Nội, TPHCM, Hải Phòng, Khánh Hòa, Đà Nẵng, Bà Rịa – Vũng Tàu đánh dấu mốc quan trọng trong quá trình hiện đại hoá vũ khí, khí tài quân sự, nâng cao sức chiến đấu của Hải quân nhân dân Việt Nam.

+ *Không quân Hải quân*

Ngày 3/7/2013, Bộ Quốc phòng bàn giao Lữ đoàn Không quân 954 từ Quân chủng Phòng không Không quân về Quân chủng Hải quân. Lữ đoàn được giao nhiệm vụ tác chiến sẵn sàng, vận tải quân sự, trinh sát, quan sát trên không, trên mặt đất, mặt nước, tìm kiếm cứu nạn trên biển, trên đất liền và cứu hộ, cứu nạn, phòng chống bão lụt.

Hiện nay, Lữ đoàn Không quân 954 đang thực thi nhiệm vụ với các loại máy bay hiện đại hàng đầu khu vực Đông Nam Á gồm trực thăng săn ngầm Ka-28, trực thăng đa năng EC-225, thủy phi cơ DHC-6 và Su30MK2.

+ *Tên lửa chống hạm - lá chắn thép không thể xuyên thủng*

Hiện nay, Hải quân được trang bị Tổ hợp tên lửa bờ Bastion-P và Tổ hợp rada bờ Monolit-B, trong đó Bastion-P là một trong những hệ thống tên lửa phòng thủ bờ biển cơ động hiện đại nhất trên thế giới hiện nay.

Đây là tổ hợp vũ khí rất mạnh, một trong những tổ hợp tên lửa bảo vệ bờ biển tốt nhất, có khả năng cơ động cao, sử dụng tên lửa chống tàu có tốc độ siêu âm 3M55 "Yakhont" ("Onyx").

Tổ hợp tên lửa Bastion có khả năng tấn công mục tiêu xa đến 300 km và bảo vệ một tuyến bờ biển chống tác chiến đổ bộ của đối phương lên đến 600 km.

+ *Tàu mặt nước - hộ vệ tên lửa tàng hình đa nhiệm*

Hiện nay Hải quân Việt Nam đang sở hữu nhiều loại tàu mặt nước gồm tàu

hộ vệ tên lửa, tàu pháo, tàu săn ngầm... trong đó hai tàu hộ vệ tên lửa Gepard 3.9 mang tên HQ011 – Đinh Tiên Hoàng và HQ012 – Lý Thái Tổ là những tàu chiến mặt nước do Nga sản xuất đã được đưa vào trực chiến.

Tàu Gepard 3.9 của Việt Nam được thiết kế thực hiện các nhiệm vụ chống tàu ngầm, tàu nổi và các mục tiêu trên không của địch khi thực hiện các nhiệm vụ hộ tống tàu chiến, tàu vận tải, các đoàn tàu cơ động, tiến hành các nhiệm vụ cảnh giới biển, bảo vệ hải giới và thềm lục địa, bảo vệ các khu vực kinh tế biển và bảo vệ các khu vực biển gần.

Cùng với tàu ngầm Kilo 636, máy bay chiến đấu đa năng Su30MK2 và tên lửa chống hạm siêu âm Yakhont của hệ thống Bastion-P (có tầm bắn 300 km, đặt trên bờ), Gepard 3.9 sẽ giúp quân đội Việt Nam chính thức có được năng lực tiến công đa năng 3 trong 1 (trên không, dưới nước và trên mặt nước) ở khu vực biển gần, đặc biệt là việc nâng cao đáng kể khả năng chống ngầm.

+ *Tàu tên lửa tấn công nhanh*

Từ năm 2014 đến 2016, sáu chiếc tàu tên lửa Molnya do Tổng công ty Ba Son (Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng) đóng mới đã được bàn giao cho Hải quân, biên chế cho Lữ đoàn tàu pháo, tên lửa 167 (Vùng 2 Hải Quân, đóng tại Nhơn Trạch, Đồng Nai). Đây là tàu tên lửa tấn công nhanh lớp Molniya (lớp Tia chớp) - một trong những tàu chiến uy lực hoàn thiện về công nghệ và có tính ổn định cao nhất thế giới.

Tàu tên lửa Molnya được trang bị bốn dàn phóng tên lửa Uran - E với tổng số 16 tên lửa, cự ly bắn 130 km, một pháo hạm tự động AK - 176M, cự ly bắn khoảng 15 km, cao 11 km và tốc độ khoảng 120-130 viên/phút. Tàu cũng trang bị hai pháo 6 nòng tự động AK630, có tầm bắn 4-5 km, tốc độ bắn 4.000 - 5.000 viên/phút. Hệ thống pháo nhiều phục vụ bắn tên lửa khi có mục tiêu.

Với sức chiến đấu cao, trang bị vũ khí hiện đại, đồng bộ, sức cơ động nhanh, tàu Molnya có thể độc lập hoặc hiệp đồng tác chiến với các lực lượng khác trong các chiến dịch của Quân chủng để bảo vệ chủ quyền biển đảo, thềm lục địa của Tổ quốc.

2.2.2. Các Bộ Tư Lệnh thuộc quân chủng Hải Quân

- Bộ Tư lệnh Vùng 1 Hải quân

Bộ Tư lệnh Vùng 1 Hải quân trực thuộc Quân chủng Hải quân là Bộ Tư lệnh tác chiến hải quân độc lập quản lý và bảo vệ vùng biển từ Quảng Ninh đến Hà Tĩnh và các đảo trong Vịnh Bắc Bộ, bao gồm các tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh.

- Bộ Tư lệnh Vùng 2 Hải quân

Bộ Tư lệnh Vùng 2 Hải quân trực thuộc Quân chủng Hải quân là Bộ Tư lệnh tác chiến hải quân độc lập quản lý và bảo vệ vùng biển từ Nam Bình Thuận đến Bạc Liêu và thềm lục địa phía Nam, trong đó có khu vực trọng điểm là vùng biển có các cụm kinh tế - khoa học - dịch vụ (gọi tắt là DK1) thuộc thềm lục địa phía Nam, gồm có các tỉnh: phía Nam của Bình Thuận, Bà Rịa-Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, và vùng biển phía Đông Nam của tỉnh Cà Mau (bao gồm cả nhà giàn DK1/10 ở bãi ngầm Cà Mau).

- Bộ Tư lệnh Vùng 3 Hải quân

Bộ Tư lệnh Vùng 3 Hải quân trực thuộc Quân chủng Hải quân là Bộ Tư lệnh tác chiến hải quân độc lập quản lý và bảo vệ vùng biển giữa miền Trung, từ Quảng Bình đến Bình Định gồm các tỉnh là Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định gồm các đảo Cồn Cỏ, Lý Sơn, Quần đảo Hoàng Sa, v.v.

- Bộ Tư lệnh Vùng 4 Hải quân

Bộ Tư lệnh Vùng 4 Hải quân trực thuộc Quân chủng Hải quân là Bộ Tư lệnh tác chiến hải quân độc lập quản lý và bảo vệ Quần đảo Trường Sa, đảo Phú Quý, biển Đông và vùng biển phía nam miền Trung, từ Phú Yên đến Bắc Bình Thuận gồm các tỉnh: Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và phía Bắc của Bình Thuận.

- Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân

Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân trực thuộc Quân chủng Hải quân là Bộ Tư lệnh tác chiến hải quân độc lập quản lý và bảo vệ vùng biển Nam biển Đông và vịnh Thái Lan thuộc vùng biển hai tỉnh Cà Mau (biển phía Tây Nam của Cà Mau) và Kiên Giang

2.3. Quân chủng Phòng không - Không quân

2.3.1. Tổ chức chung

Quân chủng Phòng không-Không quân Việt Nam được thành lập ngày 22 tháng 10 năm 1963 trên cơ sở sáp nhập Bộ Tư lệnh Phòng không và Cục Không quân. Quân chủng Phòng không - Không quân được tổ chức thành Bộ tư lệnh Quân chủng, các đơn vị chiến đấu; khối bảo đảm; khối nhà trường và các đơn vị kinh tế. Bộ Tư lệnh quân chủng có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh; Chính uỷ và Phó Chính uỷ, các cơ quan đảm nhiệm các mặt công tác quân sự; công tác đảng, công tác chính trị; kỹ thuật; hậu cần và các đơn vị trực thuộc. Quân chủng có các sư đoàn không quân, sư đoàn phòng không và một số đơn vị không quân trực thuộc là các đơn vị chiến đấu chủ yếu.

2.3.2. Chức năng nhiệm vụ

Quân chủng Phòng không-Không quân Nhân dân Việt Nam là một trong ba quân chủng của Quân đội Nhân dân Việt Nam trực thuộc Bộ Quốc phòng, có nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ không phận, mặt đất và biển đảo Việt Nam; cứu trợ, tìm kiếm cứu nạn và các nhiệm vụ khác. Quân chủng Phòng không - Không quân đảm nhiệm cả nhiệm vụ của bộ đội phòng không quốc gia và của không quân. Quân chủng Phòng không - Không quân là lực lượng nòng cốt quản lý, bảo vệ vùng trời, bảo vệ các mục tiêu trọng điểm quốc gia, bảo vệ nhân dân đồng thời tham gia bảo vệ các vùng biển đảo của Tổ quốc. Lực lượng Phòng không - Không quân có thể độc lập thực hiện nhiệm vụ hoặc tham gia tác chiến trong đội hình quân binh chủng hợp thành. Quân chủng làm tham mưu cho Bộ Quốc phòng chỉ đạo xây dựng lực lượng phòng không lục quân và không quân thuộc các quân chủng, binh chủng, ngành khác. Lực lượng không quân vận tải ngoài nhiệm vụ vận chuyển phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu còn tham gia các hoạt động cứu trợ thiên tai và phát triển kinh tế.

I. LỊCH SỬ, TRUYỀN THỐNG VỀ CÁC QUÂN, BINH CHỦNG TRONG QUÂN ĐỘI

B. HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU:

I. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bách khoa toàn thư mở Wikipedia
- <http://utc.edu.vn>

II. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Quân chủng Lục quân có những binh chủng nào? Phân biệt quân chủng với binh chủng, cho ví dụ ?
 2. Em hãy nêu tên các quân khu và BTL, các quân đoàn? Quân khu 2,3 gồm những tỉnh nào?
-

BÀI 4: **ĐIỀU LỆNH ĐỘI NGŨ TỪNG NGƯỜI CÓ SÚNG**

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Mục đích: Giới thiệu cho sinh viên hiểu và thực hiện được động tác đội ngũ từng người có súng, làm cơ sở vận dụng trong học tập quân sự.

2. Yêu cầu: Nắm được thứ tự nội dung, cách thức tiến hành động tác của đội ngũ từng người có súng.

II. NỘI DUNG : Gồm 3 nội dung

- Khám súng, khám súng xong
- Mang súng, xuống súng
- Đeo súng, xuống súng

III. THỜI GIAN: 4 tiết thực hành

IV. TỔ CHỨC - PHƯƠNG PHÁP

1. Tổ chức: Lấy đội hình lớp học để hướng dẫn và tổ chức luyện tập

2. Phương pháp

- Giáo viên hướng dẫn theo hai bước, làm nhanh và làm chậm có phân tích.

- Duy trì luyện tập theo nội dung được phân công. Tiến hành qua 3 bước:

* Bước 1: Từng người tự nghiên cứu:

Vừa làm, vừa nghiên cứu, tập chậm từng cử động, từng động tác; nếu chưa rõ hỏi giáo viên hướng dẫn lại.

Thời gian 20 phút

* Bước 2: Tổ, nhóm luyện tập

Tổ, (nhóm) tập trung thành 1 hàng ngang, gọi tên từng người ra vị trí tập, 1 người hô tập và bình tập, cứ như vậy thay nhau hô tập. Tập chậm từng cử động, từng động tác.

Thời gian 20 phút.

* Bước 3: Giáo viên gọi từng người lên thành 1 hàng ngang, hô ra vị trí tập, đồng thời uốn nắn sửa tập. Tập chậm từng cử động, từng động tác.

Thời gian: 20 phút

V. ĐỊA ĐIỂM: Tại các điểm tập phân công.

A. KHÁM SÚNG

Ý nghĩa: Khám súng là chấp hành quy tắc bảo đảm an toàn tuyệt đối trong việc giữ gìn vũ khí , trang bị đối với mọi trường hợp trong huấn luyện, công tác, sinh hoạt, hành trú quân, trước và sau khi dùng súng.

Khám súng là động tác cần thiết của mỗi quân nhân, nhằm bảo đảm an toàn cho người giữ súng và những người xung quanh.

1. Động tác khám súng

a. Khẩu lệnh: "KHÁM SÚNG", chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

b. Động tác: Khi nghe dứt động lệnh "KHÁM SÚNG" làm 3 cử động:

- *Cử động 1:* Tay phải vuốt nhẹ theo dây súng đưa về nắm ốp lót tay, đồng thời chân trái bước lên 1/2 bước theo hướng trước mặt, đặt mũi bàn chân chệch sang phải 15^0 . Lấy mũi bàn chân phải làm trụ, xoay gót lên , người chệchs sang bên phải 45^0 , tay phải đưa súng lên trước , cánh tay cong tự nhiên , đồng thời tay trái đưa lên nắm ốp lót tay, dưới thước ngắm(nắm cả dây súng). Nòng súng chệch lên 45^0 , báng súng sát hông bên phải.

- *Cử động 2:* Tay phải rời ốp lót tay về nắm hộp tiếp đạn lòng bàn tay quay về trước, hỏ khẩu tay nắm sau sống hộp tiếp đạn, bốn ngón con khép lại nắm bên phải hộp tiếp đạn, dùng ngón tay cái (hoặc hỏ khẩu tay) ấn lầy giữ hộp tiếp đạn rồi tháo hộp tiếp đạn ra , chuyển sang tay trái giữ hộp tiếp đạn. Tay trái vẫn giữ ốp lót tay, miệng hỏpj tiếp đạn hướng vào người, sống hộp tiếp đạn hướng xuống dưới. Tay phải gạt cần điều khiển bắn về vị trí bắn rồi đưa về nắm lấy tay cầm.

- *Cử động 3:* Khi người kiểm tra đến bên phải phía sau, kết hợp hai tay đưa súng lên tỳ để báng súng vào thắt lưng bên phải , trước bụng. Tay phải đưa lên nắm tay kéo bộ khóa nòng của súng (dùng ngón tay cái hơi co lại tỳ vào tay kéo bộ khóa nòng, bốn ngón con khép lại dọc bên phải thân súng), kéo bộ khóa nòng về sau hết cỡ, đồng thời hơi nghiêng mặt súng sang trái. Khi người kiểm tra hô “ ĐƯỢC” , tay phải thả khóa nòng về trước, bóp chết cò, gạt cần điều khiển bắn về vị trí khóa an toàn, lấy hộp tiếp đạn lắp vào súng rồi đưa về nắm tay cầm, phối hợp hai tay đưa súng về sát hông bên phải.

2. Động tác khám súng xong

a. Khẩu lệnh: "KHÁM SÚNG XONG", chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

b. Động tác: Khi nghe dứt động lệnh "KHÁM SÚNG XONG" làm 3 cử động:

- **Cử động 1:** Lấy mũi bàn chân phải làm trụ, xoay gót về vị trí cũ, chân trái đưa về sát với chân phải, đồng thời phối hợp hai tay, xoay mũi súng xuống dưới (tay trái hơi lỏng ra để xoay hồ khâu tay hướng lên trên, tiếp tục nắm ốp lót tay). Súng dọc theo thân người, cách thân người 20 cm.

- **Cử động 2:** Tay phải rời tay cầm về nắm dây súng, cách khâu đeo dây súng khoảng 30 cm (ngón cái ở bên trong, bốn ngón con khép lại nằm bên ngoài dây súng), kéo căng dây súng vào người, nắm tay cách thân người 10 cm.

- **Cử động 3:** Dùng sức đẩy của tay trái và sức xoay của tay phải đưa súng sang bên phải, ra đằng sau, quàng dây súng vào vai phải, tay trái đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

3. Những điểm chú ý:

- Phải thực hiện đúng các quy định về khám súng
- Khám súng phải đưa nòng súng chếch lên 45^0
- Động tác phải thận trọng, tỷ mỉ bảo đảm an toàn
- Không chĩa súng vào người
- Sau khi kéo khóa nòng về sau phải nhìn kỹ vào buồng đạn và hộp tiếp đạn xem có còn đạn không.

B. MANG SÚNG, XUỐNG SÚNG

Ý nghĩa: Động tác mang súng thường dùng trong khi tay bận hoặc để làm các việc khác như leo, trèo, mang vác.

Khẩu lệnh: "Mang súng... Mang" ; "Xuống súng... Xuống".

1. Động tác mang súng

a. Khẩu lệnh: "Mang súng... Mang"

b. Động tác: Khi nghe dứt động lệnh "Mang" làm 3 cử động:

- **Cử động 1:** Tay phải đưa súng lên trước chính giữa thân người, cách người 20cm (tính ở ngực), khâu đeo dây cao ngang vai, mặt súng hướng sang phải, cách tay trên tay phải khép sát sườn, đồng thời tay trái đưa lên bắt ốp lót tay trên thước ngắm, dưới tay phải.

- **Cử động 2 :** Tay phải rời ốp lót tay về nắm dây súng, cách khâu đeo dây ở nòng súng 30cm, kéo căng dây súng vào người (ngón cái dọc theo dây súng bên trong, bốn ngón khép lại nằm bên ngoài) ; tay trái xoay mặt súng ra trước (đối với súng có khay đeo dây ở má báng súng, mặt súng vẫn hướng sang phải).

- Cử động 3 ; Dùng sức đẩy của tay trái và sức xoay của tay phải đưa súng ra phía sau, quàng dây súng vào vai phải, cách tay trên áp sát vào sườn giữ cho súng nằm dọc theo thân người ; nòng súng hướng lên trên, ngón tay trỏ cao ngang nắp trên túi áo ngực, tay trái đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

2. Động tác xuống súng

a. Khẩu lệnh: "Xuống súng... Xuống"

b. Động tác: Khi nghe dứt động lệnh "Xuốngng" làm 3 cử động:

- Cử động1 : Dùng sức xoay của tay phải đưa súng ra khỏi vai về phía trước thân người, đồng thời tay trái nhanh chóng đưa lên bắt ốp lót tay trên thước ngắm, mặt súng hướng ra ngoài (đối với súng có khuy đeo dây ở má báng súng thì mặt súng hướng sang phải).

- Cử động 2: Tay phải rời dây súng, nắm ốp lót tay trên tay trái đồng thời xoay mặt súng sang phải ; khuy đeo dây cao ngang vai, súng dọc theo thân người, cách tay trên tay phải khép sát sườn, súng lúc này cách người 20cm (tính ở ngực phải).

- Cử động 3: Tay phải đặt nhẹ súng xuống, tay trái đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

C. ĐỘNG TÁC ĐEO SÚNG, XUỐNG SÚNG

Ý nghĩa: Động tác đeo súng thường dùng trong khi tay bận hoặc để làm các việc khác như leo, trèo, mang vác.

1. Động tác đeo súng (khi đang ở tư thế mang súng)

a. Khẩu lệnh: "ĐEO SÚNG", chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

b. Động tác: Khi nghe dứt động lệnh "ĐEO SÚNG" làm 3 cử động:

- Cử động 1: Tay phải vuốt nhẹ theo dây súng đưa về nắm ốp lót tay, đưa súng ra trước, súng cách thân người 20 cm (tính ở ngực), nòng súng chéch sang trái, đồng thời tay trái đưa lên nắm ốp lót tay dưới thước ngắm, ngón út sát tay kéo bệ khoá nòng.

- Cử động 2: Tay phải đưa xuống nắm giữa dây súng, lòng bàn tay hướng vào trong người, ngón cái để dọc ở bên trong, bốn ngón con khép lại ở bên ngoài, kéo căng dây súng sang phải, đồng thời dùng cùi tay phải đưa vào giữa súng và dây súng, súng nằm chéch trước người, phối hợp hai tay đưa dây súng qua đầu quàng vào cổ, tay phải rời dây súng đưa về nắm ốp lót tay, tay trái rời thân súng về nắm lấy dây súng trên vai trái.

- Cử động 3: Phối hợp hai tay đưa súng sang bên phải về sau, súng nằm chệch sau lưng từ trái sang phải, nòng súng chệch xuống dưới, hai tay đưa về tư thế đứng nghiêm.

c. Những điểm chú ý

- Khi đưa dây súng qua đầu, không cúi đầu, súng không che mặt.
- Không để thân người nghiêng ngả, lắc lư.

2. Động tác mang súng ở tư thế đeo

a. Khẩu lệnh: "MANG SÚNG", chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

b. Động tác: Khi nghe dứt động lệnh "MANG SÚNG" làm 3 cử động:

- Cử động 1: Tay phải đưa về sau nắm ốp lót tay, tay trái đưa lên nắm dây súng trên vai trái và hơi nâng dây súng lên.
- Cử động 2: Tay phải đưa súng từ sau lưng sang phải ra trước ngực, súng nằm chệch trước ngực từ trái sang phải.
- Cử động 3: Phối hợp hai tay đưa dây súng qua đầu, quàng dây vào vai phải thành tư thế mang súng, tay phải rời ốp lót tay đưa lên nắm dây súng, ngón trỏ cao ngang mép trên nắp túi áo ngực, tay trái đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

c. Những điểm chú ý:

- Khi đưa dây súng qua đầu, không cúi đầu, súng không che mặt.
- Không để thân người nghiêng ngả, lắc lư.
- Động tác phải nhanh mạnh, dứt khoát

3. Đeo súng tiểu liên ở tư thế treo

a. Khẩu lệnh: "ĐEO SÚNG", chỉ có động lệnh, không có dự lệnh

b. Động tác: Khi nghe dứt động lệnh "ĐEO SÚNG" làm 2 cử động:

- Cử động 1: Tay phải rời cổ báng súng nắm ốp lót tay trên, tay trái đưa lên nắm dây súng trên vai trái và nâng lên.
- Cử động 2: Phối hợp hai tay đưa dây súng sang bên phải về sau, súng nằm chệch sau lưng từ trái sang phải, nòng súng hướng xuống dưới, hai tay đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

CÂU HỎI

Kiểm tra động tác thực hành theo 2 bước: làm nhanh và làm tổng hợp.

Sau đó nhận xét và cho điểm.

BÀI 5: **ĐIỀU LỆNH ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ**

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Mục đích: Giới thiệu cho sinh viên hiểu và thực hiện được động tác đội ngũ đơn vị, làm cơ sở vận dụng trong học tập quân sự tại nhà trường.

2. Yêu cầu: Nắm được thứ tự nội dung, cách thức tiến hành thực hiện động tác của đội ngũ đơn vị.

II. NỘI DUNG

1. Đội hình tiểu đội

2. Đội hình trung đội

III. THỜI GIAN: 4 tiết thực hành

IV. TỔ CHỨC - PHƯƠNG PHÁP

1. Tổ chức: Lấy đội hình lớp học để hướng dẫn và tổ chức luyện tập

2. Phương pháp

- Giáo viên hướng dẫn xếp quân cờ, sau đó thực hiện theo hai bước, làm nhanh và làm chậm có phân tích.

- Duy trì luyện tập theo nội dung được phân công. Tổ, (nhóm) tập trung thành 1 hàng ngang, 1 người hô tập và bình tập, cứ như vậy thay nhau hô tập.

V. ĐỊA ĐIỂM: Tại các điểm tập phân công.

TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN

A. ĐỘI HÌNH TIỂU ĐỘI

I. TẬP HỢP ĐỘI HÌNH TIỂU ĐỘI HÀNG NGANG

Ý nghĩa: Để đổi hướng đội hình cho phù hợp với nhiệm vụ và địa hình cụ thể, đồng thời rèn luyện ý thức hiệp đồng động tác trong tiểu đội.

1. Vị trí của Tiểu đội trưởng

- Ở đội hình tiểu đội hàng ngang, tiểu đội trưởng đứng bên phải đội hình tiểu đội.

- Vị trí chỉ huy tại chỗ (như đôn đốc học tập, điểm số, chỉ huy tiểu đội luyện tập, nhận xét...) tiểu đội trưởng đứng chính giữa phía trước đội hình tiểu đội, cách 3 đến 5 bước.

- Vị trí chỉ huy tiểu đội khi hành tiến, tiểu đội trưởng đi bên trái đội hình của tiểu đội cách 2-3 bước.

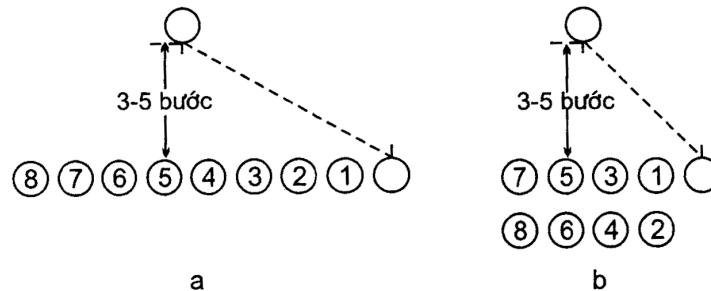
- Khi chỉnh đốn hàng ngũ về bên phải (hoặc bên trái), tiểu đội trưởng cách người làm chuẩn 2-3 bước, khi chỉ định người đứng giữa đội hình làm chuẩn, tiểu đội trưởng có thể đi về bên phải (trái) đội hình để giảng hàng.

2. Tập hợp đội hình tiểu đội hàng ngang

Khẩu lệnh: “Tiểu đội X thành 1 (2) hàng ngang... TẬP HỢP”.

Hô khẩu lệnh xong, tiểu đội trưởng quay về hướng định tập hợp đứng nghiêm làm chuẩn.

Nghe gọi đến tên, phiên hiệu tiểu đội mình, các chiến sĩ quay về phía tiểu đội trưởng đứng nghiêm chờ lệnh, dứt động lệnh, nhanh chóng xách súng chạy vào đứng bên trái tiểu đội trưởng theo gián cách, cự ly quy định, tự động giảng hàng, xong đứng nghỉ (Hình 30a); khi tập hợp 2 hàng ngang, số lẻ đứng trên, số chẵn đứng dưới (Hình 30b).



Hình 30a: Tiểu đội 1 hàng ngang; Hình 30b: Tiểu đội 2 hàng ngang.

Khi đó cứ từ 2 đến 3 chiến sĩ đứng vào bên trái mình, tiểu đội trưởng ra vị trí chỉ huy đơn đốc tiểu đội tập hợp.

3. Điểm số hàng ngang

Khẩu lệnh: “ĐIỂM SỐ”.

Tiểu đội đang đứng nghỉ, nghe động lệnh “ĐIỂM SỐ”, từng chiến sĩ theo thứ tự từ phải sang trái trở về tư thế đứng nghiêm, hô rù số của mình, đồng thời quay mặt sang trái 45°.

Tiểu đội 2 hàng ngang không điểm số.

4. Chỉnh đốn hàng ngang

Khẩu lệnh: “Nhìn bên phải (trái)... THĂNG”; “THÔI”.

Nghe động lệnh “THĂNG”, trừ chiến sĩ làm chuẩn, mọi người phải quay mặt hết cỡ sang bên phải (trái), xê dịch lên, xuống để giảng hàng cho thẳng;

đúng gián cách, cự ly. Khi xếp dịch, nếu các loại súng ở tư thế giữ, phải xách súng.

Muốn giăng hàng ngang thẳng, từng người phải nhìn được nắp túi áo (nếu là nữ nhìn ve cổ áo) bên phải (trái) của người đứng cách mình thứ tư (tính từ mình) về bên phải (trái).

Nghe động lệnh “THÔI” tất cả quay mặt trở lại nhìn thẳng phía trước.

Nếu lấy chiến sĩ đứng giữa hàng làm chuẩn để chỉnh đốn, thì tiểu đội trưởng phải chỉ định người làm chuẩn; dùng khẩu lệnh “Đồng chí (hoặc số)... làm chuẩn, nhìn giữa... THẰNG”.

Những người ở hai bên nghe động lệnh “THẰNG”, đều phải quay mặt về phía người làm chuẩn để giăng hàng.

Khi tập hợp đội hình 2 hàng ngang, các chiến sĩ đứng ở hàng thứ hai chỉnh đốn hàng như hàng thứ nhất, giăng cả hàng ngang, hàng dọc.

Tiểu đội trưởng kiểm tra gián cách giữa các chiến sĩ, sau đó đến cách người làm chuẩn từ 2 đến 3 bước nhìn vào hàng để kiểm tra; nếu người làm chuẩn ở giữa thì đi về bên phải để kiểm tra.

Khi gót chân và ngực của mọi người nằm trên một đường thẳng là được. Người nào đứng chưa thẳng, tiểu đội trưởng dùng khẩu lệnh “Đồng chí (hoặc số)... LÊN” hoặc “XUỐNG”

Người được gọi tên hoặc số của mình, phải quay mặt về phía người chỉ huy và làm theo mệnh lệnh đó. Khi nghe hô "ĐƯỢC" thì quay mặt trở lại. Cứ thế cùng một ly, tiểu đội trưởng sửa cho 3 đến 4 người.

Đội hình 2 hàng ngang phải kiểm tra cả cự ly giữa hàng trên và hàng dưới.

II. TẬP HỢP ĐỘI HÌNH TIỂU ĐỘI HÀNG DỌC

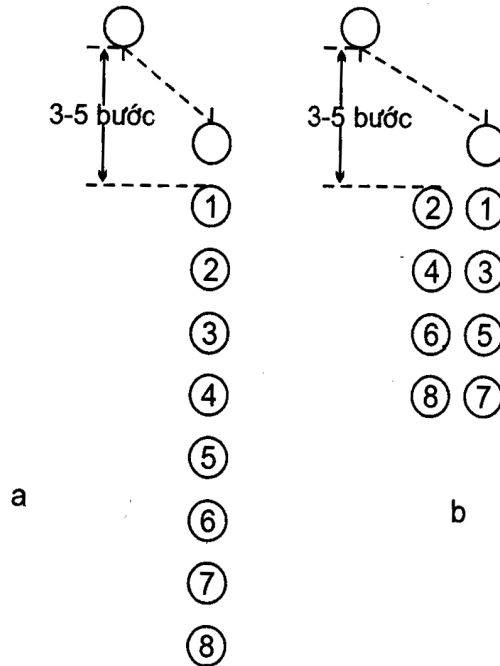
1. Vị trí tiểu đội trưởng

- Ở đội hình tiểu đội hàng dọc, tiểu đội trưởng đứng trước, cách số 1 là 1m
 - Vị trí chỉ huy tại chỗ (đôn đốc tập hợp, điểm số, hạ đạt mệnh lệnh...), tiểu đội trưởng đứng phía trước chệch về bên trái đội hình, cách 3 đến 5 bước.
 - Vị trí chỉ huy của tiểu đội khi hành tiến, tiểu đội trưởng đi khoảng 1/3 bên trái đội hình (từ trên xuống) và cách từ 2 đến 3 bước. Khi cùng tiểu đội hành tiến (đi trong đội hình của tiểu đội) thì đi đầu tiểu đội cách 1m. Nếu đội hình tiểu đội hai hàng dọc thì vị trí tiểu đội trưởng đi đầu chính giữa 2 hàng của tiểu đội, cách 1m.
-

- Khi chỉ huy tiểu đội luyện tập tại chỗ, tiểu đội trưởng có thể đứng tại chỗ để duy trì, điều khiển chung.

2. Tập hợp tiểu đội hàng dọc

Khẩu lệnh: "Tiểu đội X... thành 1, (2) hàng dọc... TẬP HỢP".



Hình 31a: Tiểu đội 1 hàng dọc;

Hình 31b: Tiểu đội 2 hàng dọc.

Hô khẩu lệnh xong, tiểu đội trưởng quay về hướng định tập hợp đứng nghiêm làm chuẩn.

Nghe gọi đến tên, phiên hiệu tiểu đội hình, các chiến sĩ quay về phía tiểu đội trưởng đứng nghiêm chờ lệnh, dứt động lệnh nhanh chóng xách súng chạy vào đứng sau tiểu đội trưởng theo cự ly, gián cách quy định, tự động giăng hàng, xong đứng nghỉ (Hình 31a); khi tập hợp 2 hàng dọc, số lẻ bên phải, số chẵn bên trái (Hình 31b). Khi đó cứ chiến sĩ đứng phía sau mình, tiểu đội trưởng ra vị trí chỉ huy đơn đốc tiểu đội tập hợp.

3. Điểm số hàng dọc

Khẩu lệnh: "ĐIỂM SỐ"

Tiểu đội đang đứng nghỉ nghe động lệnh "ĐIỂM SỐ", từng chiến sĩ theo thứ tự từ trên xuống dưới trở về tư thế đứng nghiêm hô rừ số của mình, đồng thời quay mặt sang trái hết cỡ.

Tiểu đội 2 hàng dọc không điểm số.

4. Chỉnh đốn hàng dọc

Khẩu lệnh: "Nhìn trước... THĂNG", "THÔI".

Nghe động lệnh "THĂNG", trừ chiến sĩ làm chuẩn mọi người giăng hàng, nhìn vào chỏn giữa gỏy người đứng trước (không nhìn thấy gỏy người đứng thứ hai phía trước) để xê dịch, qua phải, qua trái giăng hàng cho thẳng, đứng cự ly, gián cách; khi xê dịch, nếu các loại súng đang ở tư thế giữ, phải xách súng.

Nghe động lệnh "THÔI" thì không xê dịch nữa.

Khi tập hợp đội hình 2 hàng dọc, những người đứng ở hàng bên trái giăng cả hàng ngang và hàng dọc.

Tiểu đội trưởng kiểm tra cự ly giữa các chiến sĩ, sau đó quay bên trái đi đều về phía trước chính giữa đội hình, cách số 1 từ 2 đến 3 bước quay bên phải nhìn vào hàng để kiểm tra.

Khi thấy đầu, cạnh vai của mọi người nằm trên một đường thẳng là được. Thấy người nào đứng chưa thẳng hàng, thì dùng khẩu lệnh để chỉnh đốn hàng cho thẳng.

5. Giải tán đội hình tiểu đội hàng ngang, hàng dọc

Khẩu lệnh "GIẢI TÁN".

Nghe động lệnh "GIẢI TÁN", mọi người nhanh chóng tản ra.

Nếu đang đứng nghỉ, phải trở về tư thế đứng nghiêm rồi mới giải tán.

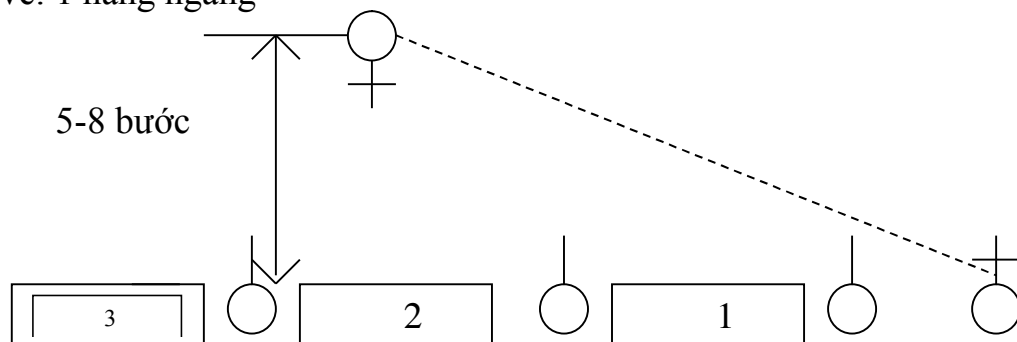
B. ĐỘI HÌNH TRUNG ĐỘI

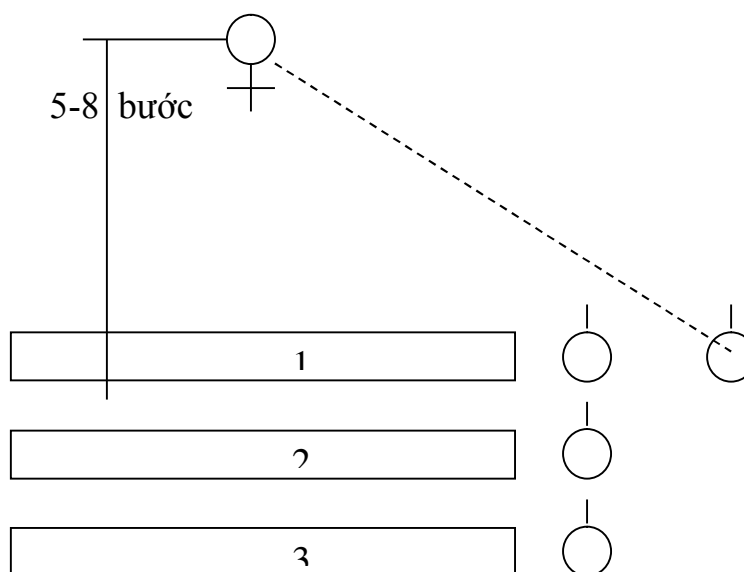
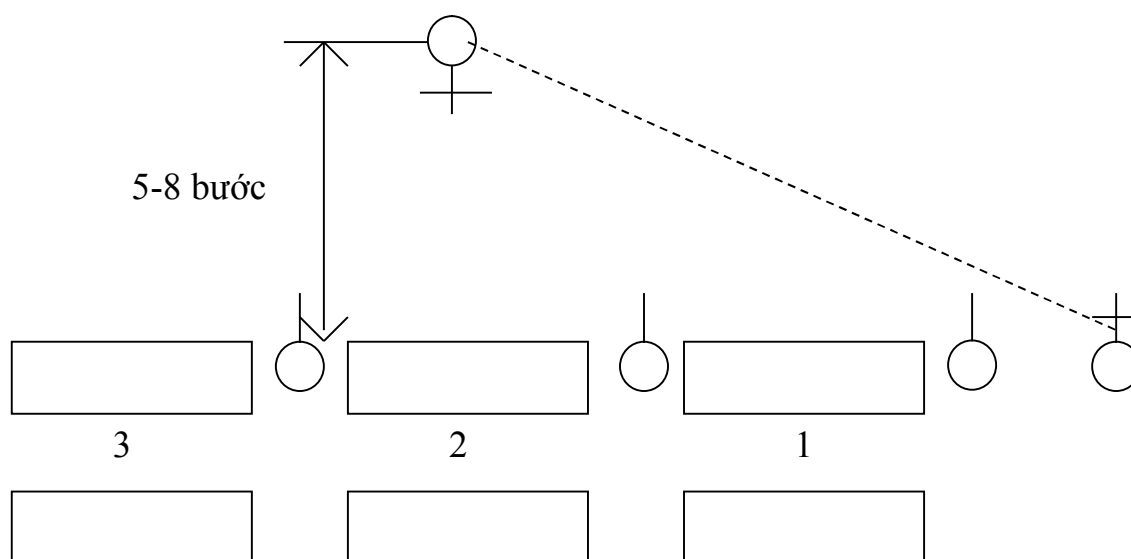
1. Tập hợp trung đội hàng ngang:

Khẩu lệnh: "Trung đội X thành 1(2,3) hàng ngang ...TẬP HỢP"

Khi tiểu đội đã đứng vào vị trí tập hợp, trung đội trưởng chạy đều về vị trí chính giữa đội hình cách từ 5-8 bước đôn đốc trung đội tập hợp.

Hình vẽ: 1 hàng ngang



2 hàng ngang**2. Điểm số hàng ngang:**

Khẩu lệnh "ĐIỂM SỐ " hoặc "TỪNG TIỂU ĐỘI ĐIỂM SỐ"

Nghe động lệnh" ĐIỂM SỐ", lần lượt điểm số từng chiến sỹ thứ tự từ phải qua trái trở về tư thế đứng nghiêm, hô rõ số củ mình, đồng thời đánh mặt sang trái 45 độ.

Khẩu lệnh "TỪNG TIỂU ĐỘI ĐIỂM SỐ" thì từng tiểu đội điểm số của tiểu đội mình (tiểu đội trưởng không điểm số)

Trung đội 2 hàng ngang thì không điểm số

Trung đội 3 hàng ngang điểm số thì tiểu đội 1 điểm số, các tiểu đội khác dựa vào số đã điểm của tiểu đội 1 mà nhớ lấy số của mình, nếu thừa hoặc thiếu so với quân số của tiểu đội 1 thì người cuối cùng của tiểu đội khác phải báo cáo số thừa hoặc thiếu cho trung đội trưởng biết. (3 hàng ngang tiểu đội trưởng không điểm số)

3. Chỉnh đốn hàng ngang:

Khẩu lệnh "**nhìn bên phải (trái)....thẳng**"

Nghe động lệnh **thẳng**, trừ đ/c làm chuẩn mọi người phải quay mặt hết cỡ sang phải (trái), xê dịch lên xuống để giống hàng cho thẳng, đứng giãn cách cự ly.

Đội hình 2,3 hàng ngang các tiểu đội trưởng phải giống cả hàng ngang và hàng dọc

Sau đó trung đội trưởng đi đến bên phải tiểu đội 1 cách từ 2-3 bước quay bên phải nhìn vào hàng để kiểm tra (nhìn gót và ngực)

II. TRUNG ĐỘI HÀNG DỌC:

1. Tập hợp trung đội hàng dọc:

Khẩu lệnh: " Trung đội X thành 1(2, 3) hàng dọc ...tập hợp"

Khi tiểu đội 1 đã đứng vào vị trí tập hợp, trung đội trưởng chạy đều lên trước bên trái đội hình cách từ 5-8 bước đôn đốc trung đội tập hợp.

2. Điểm số hàng dọc:

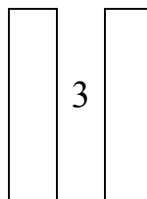
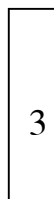
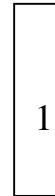
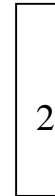
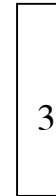
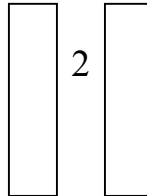
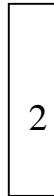
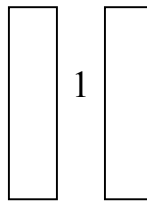
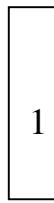
Khẩu lệnh "**ĐIỂM SỐ** " hoặc "**TỪNG TIỂU ĐỘI ĐIỂM SỐ**"

Nghe khẩu lệnh "**ĐIỂM SỐ**", từng chiến sỹ theo thứ tự trên xuống dưới trở về tư thế đứng nghiêm, hô rõ số của mình, đồng thời đánh mặt sang trái hết cỡ.

Khẩu lệnh "**TỪNG TIỂU ĐỘI ĐIỂM SỐ**" thì từng tiểu đội điểm số của tiểu đội mình (tiểu đội trưởng không điểm số)

Trung đội 2 hàng ngang thì không điểm số

Trung đội 3 hàng dọc điểm số thì tiểu đội 1 điểm số, các tiểu đội khác dựa vào số đã điểm của tiểu đội 1 mà nhớ lấy số của mình, nếu thừa hoặc thiếu so với quân số của tiểu đội 1 thì người cuối cùng của tiểu đội khác phải báo cáo số thừa hoặc thiếu cho trung đội trưởng biết. (3 hàng ngang tiểu đội trưởng không điểm số)



3. Chỉnh đốn hàng dọc:

Khẩu lệnh "nhìn trước..... thẳng"

Nghe động lệnh "thẳng" trừ chiến sỹ làm chuẩn mọi người giống hàng, nhìn vào chính giữa gáy người đứng trước(không thấy gáy người đứng thứ 2 phía trước) để xê dịch qua phải qua trái giống hàng cho thẳng, đúng cự ly giãn cách.

Đội hình trung đội 2,3 hàng dọc thì phải giống cả hàng dọc, hàng ngang.

Sau đó trung đội trưởng về trước cách tiểu đội 1 từ 2-3 bước quay bên phải nhìn vào hàng để kiểm tra chỉnh đốn(nhìn đầu cạnh vai thành một đường thẳng)

4. giải tán đội hình trung đội hàng ngang, hàng dọc:

Khẩu lệnh "giải tán" mọi người nhanh chóng tản ra, nếu đang đứng nghiêm phải về tư thế đứng nghiêm rồi mới giải tán

CÂU HỎI

Gọi đủ số sinh viên ra kiểm tra bằng một tiểu đội và thực hiện theo lệnh hô.
Sau đó nhận xét và cho điểm.

BÀI 6: **HIỂU BIẾT CHUNG VỀ BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH QUÂN SỰ**

I. NHIỆM VỤ VÀ YÊU CẦU CƠ BẢN CỦA ĐỊA HÌNH QUÂN SỰ

1. Nhiệm vụ

- Địa hình quân sự có nhiệm vụ nghiên cứu, chỉnh lý và tổng hợp các tài liệu địa hình có ảnh hưởng đến tổ chức và chiến đấu của bộ đội.
- Ngoài ra còn đề cập những phương pháp nghiên cứu chung về địa hình xác định phương hướng, phương pháp đo đạc khảo sát...Để các quân binh chủng có những quy tắc chung thống nhất trong thực hiện nhiệm vụ.

2. Những yêu cầu cơ bản

- Bảo đảm cho điều kiện thông suốt của địa hình trong việc tổ chức và thực hành chiến đấu do vậy phải nghiên cứu địa hình để đạt được ý nghĩa về chiến thuật.
- Nghiên cứu địa hình phải đảm bảo cho các điều kiện quan sát, nguy trang và xạ kích...Phát huy tốt các yếu tố thuận lợi của ta trong tiến công phòng ngự.

II. Ý NGHĨA CHIẾN THUẬT CỦA ĐỊA HÌNH

1. Khái niệm về địa hình

Địa hình là dáng đất và địa vật.

- Dáng đất: Những chỗ lồi lõm mấp mô trên mặt đất như đồi, núi, chỗ cao thấp do thiên nhiên hay nhân tạo gọi là dáng đất.
- Địa vật: Là tất cả những yếu tố thiên nhiên hay nhân tạo trên mặt đất như: Sông, ngòi, ao, hồ, rừng cây, đường xá, làng mạc...

2. Ý nghĩa chiến thuật của địa hình

- Phân loại dáng đất
 - + Núi: chỗ cao nổi bật so với mặt đất xung quanh.
 - + Đất lõm: chỗ đất sụt xuống, chỗ bắt đầu sụt gọi là bờ, chỗ thấp nhất gọi là đáy.
 - + Khe núi: là chỗ lõm thoải dốc theo sườn núi
 - + Yên ngựa: là chỗ thấp nhất của sống núi giữa hai đỉnh núi gần nhau.
- Một số loại địa hình cơ bản:
 - + Vùng đất bằng: Là nơi đất bằng phẳng hoặc hơi mấp mô những nơi đường xá thuận lợi cho cơ động phát huy tốt uy lực của binh khí kỹ thuật.
 - + Vùng đồi: Là những vùng núi không cao, độ dốc không lớn, có khe rộng, các binh khí kỹ thuật cơ động dễ dàng thuận lợi cho bố trí đài quan sát ...
 - + Vùng núi: Thường núi cao, dốc lớn, khe suối nhiều quan sát hạn chế...
 - + Vùng rừng: Là những khu rừng có các vòm cây liên sát nhau...
 - + Vùng lầy: là những nơi ẩm ướt quanh năm, có bùn thường gặp ở khe núi, ven biển, ven sông.

3. Một số phương pháp nghiên cứu địa hình

- Điều tra thực địa.
-

- Căn cứ vào bản đồ.
- Căn cứ vào ảnh hàng không.

III. BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH

A. Khái niệm chung về bản đồ

1. Định nghĩa

Bản đồ là hình ảnh thu nhỏ và khái quát hóa một phần hay toàn bộ bề mặt trái đất, lên bề mặt giấy phẳng, theo những tỷ lệ nhất định. Dựa trên cơ sở toán học và những dụng cụ đo đạc chính xác. Các yếu tố trên mặt đất được thể hiện bằng hệ thống ký hiệu, màu sắc.

Bản đồ quân sự thường là Bản đồ địa hình: Là tổng hợp các yếu tố đáng đất và địa vật một cách chính xác và chi tiết thông qua hệ thống các ký hiệu cụ thể, thống nhất rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu theo một quy luật nhất định.

2. Tỷ lệ bản đồ

a) Định nghĩa: Tỷ lệ bản đồ là tỷ số giữa cự ly trên bản đồ và cự ly ngoài thực địa.

b) Đặc điểm: Cự ly bản đồ thường lấy là 1, thực địa là một số chẵn VD: 1/10.000; 1/25.000.

- Cứ một đơn vị trên bản đồ sẽ ứng với số đơn vị ở mẫu số ngoài thực địa. Như $1\text{cm} = 100\text{m}$; $1\text{cm} = 250\text{m}$. Mẫu số càng lớn thì tỷ lệ càng nhỏ, bản đồ càng ít chi tiết và tổng quát hơn.

VD: Bản đồ tỷ lệ 1/25.000; $1\text{cm} = 250\text{m}$ ngoài thực địa.

3. Phân loại bản đồ

Có 3 loại bản đồ.

a) Bản đồ chiến thuật: có tỷ lệ lớn từ 1/10.000 - 1/25.000 là loại bản đồ chi tiết thể hiện các tình huống chiến thuật có thể đánh dấu được từng vị trí chiến đấu trên bản đồ.

b) Bản đồ chiến dịch: Có tỷ lệ từ 1/100.000- 1/500.000 là loại bản đồ thể hiện được một khu vực địa hình rộng lớn, tiện cho việc thể hiện các tình huống chiến dịch.

c) Bản đồ chiến lược: Có tỷ lệ từ 1/500.000 - 1/1000.000 là loại bản đồ thể hiện được địa hình rộng lớn, tiện cho việc chỉ đạo phòng thủ đất nước.

B. Khái niệm về trái đất: (nghiên cứu tài liệu).

C. Cách thành lập bản đồ địa hình: (nghiên cứu tài liệu).

D. Ký hiệu bản đồ

1. Ký hiệu bằng hình vẽ

a) Địa vật vẽ theo tỷ lệ: Những địa vật có kích thước lớn như làng mạc, rừng núi, đồng ruộng thì vẽ theo tỷ lệ vẽ hình dáng và kích thước của nó chính xác như ở thực địa được thu lại theo tỷ lệ bản đồ.

b) Địa vật vẽ không tỷ lệ:

Những địa vật không có kích thước như đình, chùa không đo vẽ theo tỷ lệ.

2. Ký hiệu bằng màu sắc

Ngoài tác dụng trực quan sinh động nó còn thể hiện tính chất của các địa vật.

- Màu xanh da trời chỉ nước.
- Màu đen chỉ vật độc lập.
- Màu lục chỉ rừng cây.
- Màu nâu chỉ dáng đất.
- Màu hồng chỉ quốc lộ ,vùng chịu lửa.

3. Ký hiệu bằng chữ và số

Chữ để ghi địa danh,các loại chữ mang tính chất quy mô theo từng khu vực với ý nghĩa quan trọng của nó.

VÍ DỤ : **HÀ NỘI** : Chữ in hoa nét đậm khổ lớn.

VỊNH HẠ LONG: Nét mảnh in hoa.

4. Một số quy ước của địa vật vẽ không theo tỉ lệ

- Hình đối xứng xác định vị trí tâm.
- Hình đáy rộng xác định vị trí ở chính giữa đường đáy rộng.
- Hình có chân vuông góc xác định vị trí ở đỉnh góc vuông.
- Hình hỗn hợp xác định ở hình dưới.
- Hình dài xác định ở tâm.

5. Một số loại ký hiệu cụ thể

a) Ký hiệu dân cư

Nơi công cộng ,thanh phố ,thị xã có các vật kiến trúc trên 60% bằng gạch ngói.vật liệu không cháy thì dùng kí hiệu tô màu hồng hoặc nét gạch chéo hai chiều.

Nếu nhỏ hơn 60% thì tô màu vàng ,hoặc gạch chéo một chiều. Nhà ở rải rác dùng kí hiệu hình vuông ,chữ nhật tô màu đen.

Ở nông thôn có lũy tre vẽ nét liền màu lục đậm,làng có hàng cây xung quanh thì khung làng viền nét mảnh, có kí hiệu cây.

b)Vật thể độc lập

Những địa vật đứng riêng rẽ như đình chùa, nhà máy,...vẽ mô phỏng theo hình dáng địa vật.

c) Ký hiệu địa giới

Để phân chia ranh giới phạm vi khu vực giữa các quốc gia, khu tỉnh huyện.

d) Ký hiệu đường xá

*** Đường sắt**

- Loại đường sắt rộng trên 1m vẽ 2 nét liền mảnh có đốt đen trắng, loại rộng dưới 1m vạch các đường ngang trên nét liền mảnh.

- Ga: Ký hiệu bằng hình chữ nhật màu đen.

*** Đường bộ:**

- Đường quốc lộ vẽ hai nét liền tô hồng chấm giữa.

- Đường liên tỉnh : vẽ hai nét liền mảnh.

- Đường đất : Vẽ một nét đậm.

- Đường đất hẹp : vẽ nét đứt dài ,mảnh ,đường mòn vẽ nét đứt ngắn hơn.

e) Ký hiệu sông ngòi

- Sử dụng màu xanh da trời.

- Độ đậm nhạt của màu xanh phụ thuộc vào độ nông sâu.

- Mép nước dùng nét liền màu xanh.

- Mũi tên chỉ lưu tốc dòng chảy.

- Sử dụng số để ghi chú chiều rộng của dòng sông,độ sâu.

g) Ký hiệu rừng cây thực vật

- Sử dụng màu xanh lục.

- Độ đậm nhạt của màu xanh phụ thuộc vào độ che phủ dày hay thưa của rừng.

- Loại cây nào lớn hơn 80%diện tích thì ghi chú loại cây đó.

- Loại cây nhỏ hơn80% diện tích thì ghi cả hai loại cây điển hình cho rừng.

h) Ký hiệu dáng đất

- Định nghĩa đường bình độ: là những đường cong khép kín nối cùng các điểm có cùng độ cao ở trên mặt đất so với mực nước gốc quy ước.

- Đặc điểm

+ Những điểm cùng nằm trên cùng một đường bình độ có cùng một độ cao.

+ Đường bình độ phải là đường liên tục ,chỉ có thể ngắt ở khung bản đồ.

+ Đường bình độ không cắt nhau, trừ trường hợp mồm núi có hàm ếch.

+ Đường bình độ cách xa nhau là dốc thoải, sát nhau là dốc nhiều. Hướng vuông góc là dốc nhất, gần trung nhau là dốc vách đứng.

E. Giải thích khung bản đồ

1. Hướng bản đồ

Trong bản đồ có 4 hướng chính: Đông_Tây_Nam_Bắc.

Có ba hướng Bắc:

- Hướng Bắc thật (Bắc kinh tuyến- địa dư): là hướng Bắc dọc theo kinh tuyến tới Bắc cực.

- Hướng Bắc địa bàn: là hướng bắc chỉ mũi kim nam châm trên địa bàn, còn gọi là hướng Bắc nam châm.

+ Hướng Bắc kim nam châm thay đổi theo thời gian và không gian do vậy khi sử dụng bản đồ phải lấy hướng Bắc thật làm chuẩn.

+ Nếu hướng Bắc địa bàn lệch sang phải là lệch (+)

+ Nếu hướng Bắc địa bàn lệch sang trái là lệch(-)

+ Độ lệch đó gọi là độ lệch tự nhiên.

- Hướng Bắc ô vuông: Là hướng Bắc song song với trục dọc của lưới ô vuông.

2. Mép bắc

- Chính giữa mảnh bản đồ ghi tên mảnh số hiệu bản đồ.

- Góc trái: **Ghi** tên địa phương có tên trong bản đồ

- Góc phải: Ghi chữ mặt và số hiệu sơ đồ chấp ghép .

3. Mép Nam

- Chính giữa ghi tỉ lệ ,thước tỉ lệ,sô đồ góc lệch.
- Góc trái :ghi các kí hiệu, thước đo độ dốc, niên hiệu vẽ, sản xuất.

4. Mép Đông, Tây

- Ghi chi tiết địa hình, hoặc bỏ trống.

F. Cách chấp ghép và gấp bản đồ

1. Cách chấp ghép

Khi sử dụng nhiều tờ bản đồ trong một khu vực ta phải chấp ghép các mảnh bản đồ cùng tỷ lệ, theo sơ đồ chấp ghép và đúng theo số liệu ở bảng sơ đồ ghép ở khung bản đồ.

2. Cách dán

- Mảnh trên đè mảnh dưới.
- Mảnh trái đè mảnh phải.
- Trước khi dán những mảnh bản đồ phải cắt từ đường khung trong trở ra và bỏ đi. Sau đó dán sát với đường khung trong của mảnh phía dưới và bên phải.

3. Gấp bản đồ

- Gấp theo kiểu xếp.
- Gấp để khu vực thường dùng ra ngoài.

G. Cách xác định tọa độ, chỉ thị mục tiêu

a. Tọa độ sơ lược (4 số)

- Trờng hợp sử dụng: trong ô vuông tọa độ chỉ có một đối tượng mục tiêu M hoặc nhiều mục tiêu có tính chất khác nhau.

- Khi xác định tọa độ sơ lược phải tìm 2 số cuối cùng của đường hoành độ (Đường ngang bên dưới Xc) và 2 số cuối của đường tung độ (Đường dọc bên trái Yc)

- Khi chỉ thị mục tiêu viết tên hoặc ký hiệu mục tiêu (XY), tọa độ XY viết liền không có dấu chấm phẩy gạch ngang.

Ví dụ: tọa độ sơ lược: Trạm xăng (1653)

b. Tọa độ ô 4.

Sử dụng khi trong ô vuông tọa độ có nhiều mục tiêu tính chất giống nhau, khi dùng tọa độ sơ lược dễ nhầm lẫn.

- **Cách xác định:** Chia ô vuông tọa độ sơ lược thành 4 phần bằng nhau, đánh dấu bằng chữ cái in hoa A, B, C, D từ trái qua phải từ trên xuống dưới.

Chỉ thị mục tiêu: Viết tên, ký hiệu mục tiêu (M) kết hợp với tọa độ sơ lược XY và ký hiệu chữ của từng ô.

Ví dụ: Trạm xăng (1653C)

c. Tọa độ ô 9

Khi chỉ thị mục tiêu viết tên mục tiêu (M) với tọa độ sơ lược (XY) và ký hiệu số của từng ô.

Ví dụ: trạm xăng: (16539)

d. Tọa độ chính xác

- Là tọa độ dùng trị số độ dài để xác định tọa độ của một điểm nằm trong một ô vuông tọa độ, ta tìm ra độ chênh về mét so với hệ trục gốc hoặc tọa độ sơ lược của điểm đó. Độ chênh về X gọi là Δx , độ chênh về Y gọi là Δy

- Muốn xác định tọa độ ô vuông chính xác của điểm trên mặt phẳng bản đồ khi biết vị trí điểm đó trên bản đồ ta tiến hành theo 3 bước sau :

+ **Bước 1** : *Xác định tọa độ ô vuông chẵn chứa điểm đó*: (Tọa độ sơ lược.

Tọa độ ô vuông chẵn gồm 4 số. Được xác định bằng 2 số cuối của đường ngang bên dưới là giá trị (Km) theo trục X. Và 2 số cuối của đường dọc bên trái là giá trị (Km) theo trục Y. của ô vuông chứa điểm đó

Khi đọc hay viết bao giờ cũng viết tung độ trước và hoành độ sau, viết liền (XY)

VD : Cây thông có tọa độ chẵn:

$$\begin{matrix} \nearrow \\ \nwarrow \end{matrix} \begin{cases} X_c = 06 \text{ km} \\ Y_c = 53 \text{ km} \end{cases}$$

+ **Bước 2**: *Xác định tọa độ ô vuông lẻ*

Từ điểm cần xác định tọa độ kẻ 2 đường vuông góc đến đường ngang phía dưới và đường dọc bên trái của ô vuông chứa điểm đó.

Đo khoảng cách từ điểm đó đến chân đường vuông góc. Theo trục X ký hiệu là ΔX , theo trục Y ký hiệu là ΔY

Nhân các khoảng cách đó với mẫu số tỷ lệ Bản đồ ta được giá trị ΔX và ΔY ngoài thực địa (tọa độ ô vuông lẻ), đơn vị tính bằng (m)

+ **Bước 3**: *Tọa độ ô vuông chính xác của điểm cần xác định là*:

$$\begin{matrix} \text{Ký hiệu địa vật} \\ M \end{matrix} \begin{cases} X = X_c + \Delta X \\ Y = Y_c + \Delta Y \end{cases}$$

Như vậy tọa độ ô vuông chính xác của điểm M bất kỳ thực chất là xác định độ chênh lệch về m của điểm M đó so với trục tọa độ gốc (X, Y).

- Cách viết tọa độ chính xác: M(XY)

- **Ví dụ**: Xác định tọa độ ô vuông chính xác của cây thông như hình vẽ sau:

Biết tỷ lệ bản đồ 1: 25.000

+ Xác định tọa độ ô vuông chẵn

$$\begin{matrix} \nearrow \\ \nwarrow \end{matrix} \begin{cases} X_c = 06 \text{ (km)} \\ Y_c = 53 \text{ (km)} \end{cases}$$

+ Xác định tọa độ ô vuông lẻ:

Áp dụng tỷ lệ bằng chữ ta có:

1cm trên bản đồ tương ứng bằng 250 m ngoài thực địa

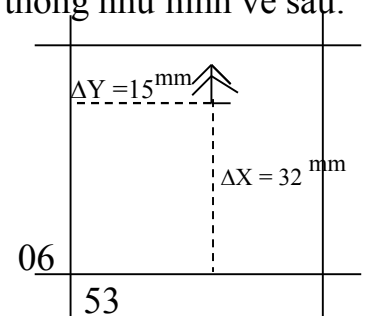
$$\Rightarrow \Delta X = 3,2 \cdot 250 = 800 \text{ (m)}$$

$$\Delta Y = 1,5 \cdot 250 = 375 \text{ (m)}$$

+ Tọa độ chính xác của cây thông là:

$$\begin{matrix} \nearrow \\ \nwarrow \end{matrix} \begin{cases} X = 06 \text{ km} + 800 \text{ m} = 06800 \text{ m} \\ Y = 53 \text{ km} + 375 \text{ m} = 53375 \text{ m} \end{cases}$$

Cách viết tọa độ ô vuông chính xác của cây thông là: **(0680053375)**



BÀI 7: PHÒNG CHỐNG ĐỊCH TIỀN CÔNG HOÀ LỰC BẰNG VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh tương lai (nếu xảy ra).

2: Yêu cầu:

Nắm được những kiến thức cơ bản về vũ khí công nghệ cao. Tiếp tục nghiên cứu, nâng cao nhận thức trong phòng tránh vũ khí công nghệ cao.

II. NỘI DUNG

Trong tương lai, nếu xảy ra chiến tranh, vũ khí công nghệ cao sẽ được kẻ địch sử dụng chủ yếu để thực hiện mưu đồ xâm lược nước ta. Vì vậy, việc nghiên cứu và tìm ra biện pháp phòng tránh, đánh trả có hiệu quả tiến công hoà lực bằng vũ khí công nghệ cao của địch, có ý nghĩa rất quan trọng để giành thắng lợi trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, THỦ ĐOẠN ĐÁNH PHÁ VÀ KHẢ NĂNG SỬ DỤNG VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO CỦA ĐỊCH TRONG CHIẾN TRANH

1.1: Khái niệm

Vũ khí công nghệ cao là vũ khí được nghiên cứu, thiết kế, chế tạo dựa trên những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, có sự nhảy vọt về chất lượng và tính năng kỹ - chiến thuật.

Khái niệm trên thể hiện những nội dung cơ bản sau:

- Vũ khí công nghệ cao được nghiên cứu thiết kế chế tạo dựa trên những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại.
- Có sự nhảy vọt về chất lượng và tính năng chiến - kỹ thuật.

1.2: Đặc điểm của vũ khí công nghệ cao

Vũ khí công nghệ cao có một số đặc điểm nổi bật đó là:

Hiệu suất của vũ khí, phương tiện tăng gấp nhiều lần so với vũ khí, phương tiện thông thường; hàm lượng trí thức, kỹ năng tự động hoá cao; tính cạnh tranh cao, được nâng cấp liên tục, giá thành giảm.

Vũ khí công nghệ cao hay còn gọi là vũ khí “thông minh”, vũ khí “tinh khôn” bao gồm nhiều chủng loại khác nhau như : vũ khí huỷ diệt lớn (hạt nhân, hoá học,

sinh học...), vũ khí được chế tạo dựa trên những nguyên lý kỹ thuật mới (vũ khí chùm tia, vũ khí laze, vũ khí chùm hạt, pháo điện từ...).

Thế kỷ XXI, vũ khí “thông minh” dựa trên cơ sở tri thức sẽ trở nên phổ biến. Điển hình là đạn pháo, đạn cối điều khiển bằng laze, radar hoặc bằng hồng ngoại. Bom, mìn, “thông minh” kết hợp với các thiết bị trinh thám để tiêu diệt mục tiêu. Tên lửa “thông minh” có thể tự phân tích, phán đoán và ra quyết định tiến công tiêu diệt. Súng “thông minh” do máy tính điều khiển có thể tự động nhận biết chủ nhân, có nhiều khả năng tác chiến khác nhau, vừa có thể bắn đạn thông thường hoặc phóng lựu đạn. Xe tăng “thông minh” có thể vượt qua các chướng ngại vật, nhận biết các đặc trưng khác nhau của mục tiêu, mức độ uy hiếp của mục tiêu và điều khiển vũ khí tiến công mục tiêu, nhờ đó có hỏa lực và sức đột kích rất mạnh,...

Tóm lại, vũ khí công nghệ cao có những đặc điểm nổi bật sau: khả năng tự động hoá cao ; tầm bắn (phóng) xa; độ chính xác cao; uy lực sát thương lớn.

1.3: Thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh

Tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao là phương thức tiến hành chiến tranh kiểu mới đồng thời là biện pháp tác chiến của địch. Thực tế trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, chủ nghĩa đế quốc đã khai thác các thành tựu khoa học và công nghệ mới nhất để chế tạo các kiểu vũ khí hiện đại hòng giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh như công nghệ hồng ngoại, công nghệ nhìn đêm, công nghệ gây nhiễu. Nhiều loại vũ khí “thông minh” ra đời và được sử dụng lần đầu tiên trong chiến tranh Việt Nam... Tuy nhiên, cuộc chiến tranh Việt Nam đã chứng kiến sự thất bại thảm hại của địch trong việc sử dụng các loại vũ khí hiện đại nhất lúc đó trước trí thông minh, sự sáng tạo và lòng dũng cảm vô song của con người Việt Nam.

Chiến tranh tương lai (nếu xảy ra) đối với đất nước ta, địch sẽ sử dụng phương thức tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao là chủ yếu. Nhằm mục đích giành quyền làm chủ trên không, làm chủ chiến trường, phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng, đánh bại khả năng chống trả của đối phương, tạo điều kiện thuận lợi cho các lực lượng tiến công trên bộ, trên biển, đổ bộ đường không và các hoạt động bạo loạn lật đổ của lực lượng phản động nội địa trong nước, gây tâm lí hoang mang, lo sợ trong nhân dân. Qua đó gây sức ép về chính trị để đạt mục tiêu chính trị hoặc buộc chúng ta phải chấp nhận điều kiện chính trị do địch đặt ra.

Nếu chiến tranh xảy ra trên đất nước ta, có thể xuất phát từ nhiều hướng: trên bộ, trên không, từ biển vào, có thể diễn ra cùng một lúc ở chính diện và trong chiều sâu, trên phạm vi toàn quốc với một nhịp độ cao, cường độ lớn ngay từ đầu và trong suốt quá trình chiến tranh. Tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao của chủ

nghĩa để quốc vào Việt Nam (nếu xảy ra) có thể là một giai đoạn trước khi đưa quân đổ bộ đường biển hoặc đưa quân tiến công trên bộ, với quy mô và cường độ ác liệt từ nhiều hướng, vào nhiều mục tiêu cùng một lúc. Đánh phá ác liệt từng đợt lớn, dồn dập, kết hợp với đánh nhỏ lẻ liên tục ngày đêm, có thể kéo dài vài giờ hoặc nhiều giờ, có thể đánh phá trong một vài ngày hoặc nhiều ngày,...

Nghiên cứu, khảo sát một số cuộc chiến tranh cục bộ gần đây, địch sử dụng vũ khí công nghệ cao ngày càng nhiều (vùng Vịnh lần thứ nhất vũ khí công nghệ cao 10%, chiến dịch Con Cáo sa mạc 50%, Nam Tư 90%).

- Trong cuộc chiến tranh vùng Vịnh, ngày 17/1/1991 Mỹ phóng 45 quả tên lửa hành trình Tomahawk có 7 quả bị hỏng, 1 quả bị lực lượng phòng không bắn rơi còn 37 quả trúng mục tiêu, tỉ lệ : 67%. Trong chiến dịch “Con Cáo sa mạc” từ ngày 16 đến ngày 19/12/1998 Mỹ sử dụng 650 lần / chiếc máy bay phóng 415 tên lửa hành trình trong đó có 325 tên lửa Tomahawk phóng từ tàu biển, 90 quả AGM - 86 phóng từ máy bay, dự kiến khả năng 100/147 mục tiêu của Iraq bị phá hủy. Tuy nhiên tên lửa hành trình của Mỹ và liên quân chỉ đánh trúng khoảng 20%, vì Iraq đã có kinh nghiệm phòng tránh.

- Chiến tranh Iraq lần hai (2003) chỉ sau 27 ngày đêm tiến công, Mỹ, Anh đã thực hiện 34.000 phi vụ, phóng hơn 1000 tên lửa hành trình các loại, trong đó có hơn 800 Tomahawk, hơn 14.000 bom đạn có điều khiển chính xác. Từ những khảo sát thực tế trên, rút ra một số điểm mạnh và yếu như sau:

** Điểm mạnh :*

- Độ chính xác cao, uy lực sát thương lớn, tầm hoạt động xa.
- Có thể hoạt động trong những vùng nhiễu, thời tiết phức tạp, ngày, đêm, đạt hiệu quả cao hơn hàng chục đến hàng trăm lần so với vũ khí thông thường.
- Một số loại vũ khí công nghệ cao được gọi là vũ khí “thông minh” có khả năng nhận biết địa hình và đặc điểm mục tiêu, tự động tìm diệt...

** Điểm yếu :*

- Thời gian trinh sát, xử lý số liệu để lập trình phương án đánh phá phức tạp, nếu mục tiêu “thay đổi” dễ mất thời cơ đánh phá.
 - Dựa hoàn toàn vào các phương tiện kĩ thuật, dễ bị đối phương đánh lừa
 - Một số loại tên lửa hành trình có tầm bay thấp, tốc độ bay chậm, hướng bay theo quy luật... dễ bị bắn hạ bằng vũ khí thông thường.
 - Tác chiến công nghệ cao không thể kéo dài vì quá tốn kém. Dễ bị đối phương tập kích vào các vị trí triển khai của vũ khí công nghệ cao.
 - Dễ bị tác động bởi địa hình, thời tiết, khí hậu dẫn đến hiệu quả thực tế khác với lí thuyết. Do đó, nên hiểu đúng đắn về vũ khí công nghệ cao, không quá đề cao, tuyệt đối
-

hoá vũ khí công nghệ cao dẫn đến tâm lí hoang mang khi đối mặt. Ngược lại, cũng không nên coi thường dẫn đến chủ quan mất cảnh giác.

2.2. MỘT SỐ BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG ĐỊCH TIỀN CÔNG HOÁ LỰC BẰNG VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO

2.2.1: Biện pháp thụ động

- Phòng chống trình sát của địch

Hệ thống trình sát phát hiện và giám sát mục tiêu là một trong những hệ thống bảo đảm quan trọng nhất của vũ khí công nghệ cao. Muốn làm tốt công tác phòng chống trình sát của địch, trước tiên cần xác định rõ ý thức chống trình sát, sau đó mới áp dụng các biện pháp, phương pháp đối phó cho phù hợp, cụ thể:

+ Làm hạn chế đặc trưng của mục tiêu

Hệ thống trình sát hiện đại khi thực hành trình sát đều thông qua việc tìm kiếm các đặc trưng vật lí do mục tiêu bộc lộ để phát hiện. Vì vậy, sử dụng các thủ đoạn chiến thuật, kĩ thuật giảm thiểu đặc trưng vật lí của mục tiêu, xoá bỏ sự khác biệt giữa mục tiêu với môi trường xung quanh là sự vận dụng và phát triển của kĩ thuật ngụy trang truyền thống. Sử dụng các biện pháp kĩ thuật giảm bớt các đặc trưng ánh sáng, âm thanh, điện từ, bức xạ hồng ngoại... của mục tiêu là có thể giấu kín được mục tiêu.

+ Che giấu mục tiêu

Lợi dụng môi trường tự nhiên như địa hình, địa vật, rừng cây, bụi cỏ... để che giấu mục tiêu, có thể làm suy giảm thậm chí ngăn chặn được trình sát của địch. Trình sát bằng quang học, hồng ngoại và la de là ba kĩ thuật trình sát chủ yếu của vệ tinh và máy bay trình sát, các mục tiêu được che đậy, ở hang động, gầm cầu là những nơi che giấu có hiệu quả, đồng thời lợi dụng đêm tối, sương mù, màn mưa để che giấu âm thanh, ánh sáng, điện từ, nhiệt; kiểm soát chặt chẽ việc mở máy hoặc phát xạ sóng điện từ của radar và thiết bị thông tin liên lạc.

+ Ngụy trang mục tiêu

Ngày nay, khi mà kĩ thuật trình sát không ngừng phát triển thì việc sử dụng một cách khoa học các khí tài ngụy trang như màn khói, lưới ngụy trang, nghi binh, nghi trang,... là một biện pháp chống trình sát hữu hiệu và kinh tế. Ngụy trang hiện đại là trên cơ sở ngụy trang truyền thống sử dụng kĩ thuật thay đổi hình dạng,... Thông qua việc làm thay đổi tần phổ quang học hoặc phản xạ điện từ và đặc tính bức xạ nhiệt của mục tiêu khiến chúng gần như hoà nhập vào môi trường xung quanh. Thông qua việc làm thay đổi hình thể của mục tiêu khiến mục tiêu không bị địch chú ý hoặc thông qua việc thả màn khói đặc biệt là sợi bạc,... đều có thể ngăn chặn có hiệu quả trình sát radar và trình sát hồng ngoại của đối phương.

+ Tổ chức tốt việc nghi binh đánh lừa địch

Nghi binh là hành động tạo hiện tượng giả để đánh lừa đối phương. Nếu tổ chức tạo ra các hành động tác chiến giả một cách có kế hoạch, có mục đích để phân tán, làm suy yếu khả năng trinh sát của địch, có thể làm cho địch nhận định sai, dẫn đến sai lầm từ đó ta có thể kiểm chế, điều động được địch.

Theo phạm vi không gian, có thể chia nghi binh thành các loại sau: Nghi binh chính diện, nghi binh bên sườn, nghi binh tung thâm, nghi binh trên bộ, nghi binh trên không, nghi binh trên biển, nghi binh lập thể,... Theo mục đích, có thể chia thành nghi binh để thể hiện sức mạnh, nghi binh để tỏ ra yếu kém, nghi binh để hiện thế, nghi binh tiến công, nghi binh rút lui.

Kĩ thuật quân sự hiện đại đã tạo ra nhiều thủ đoạn nghi binh mới, ngoài nghi binh về binh lực, còn có nghi binh về hỏa lực, nghi binh điện tử, và các nghi binh kĩ thuật khác. Ví dụ, nghi binh vô tuyến điện bằng các phương pháp xây dựng mạng lưới vô tuyến điện giả, tổ chức các đối tượng liên lạc giả, thực hiện các cuộc thông tin liên lạc vô tuyến điện giả, phát các cuộc điện báo (điện thoại) với nội dung giả... Ngoài ra, tổ chức tốt việc bày giả, nhằm đúng vào đặc điểm và nhược điểm của hệ thống trinh sát địch, kết hợp với điều kiện tự nhiên như địa hình, địa vật, đặt các loại mục tiêu giả để làm thay đổi cục bộ nền môi trường, chiến trường, từ đó đánh lừa mê hoặc đối phương. Ví dụ, cần phải có mục tiêu giả, mục tiêu thật ; khi cần di chuyển các mục tiêu cần phải tiến hành di chuyển cùng lúc cả cái thực và cái giả, và quy mô đối với cái thực và cái giả cũng phải ngang nhau.

- Dụ địch đánh vào những mục tiêu có giá trị thấp làm chúng tiêu hao lớn

Lợi dụng đặc điểm của vũ khí công nghệ cao là giá thành cao, lượng sử dụng có hạn, chúng ta có thể sử dụng mục tiêu giá trị thấp để làm phân tán lực lượng địch và gây tiêu hao lớn cho chúng. Ví dụ, giá 1 chiếc máy bay tàng hình F-117A lên tới vài chục triệu USD, giá 1 quả tên lửa hành trình cũng tới hàng triệu USD,... Nếu ta sử dụng vũ khí trang bị cũ hoặc mục tiêu giả để dụ địch tiến công sẽ gây tiêu hao lớn cho chúng, làm giảm bớt lượng vũ khí công nghệ cao của địch, đồng thời làm giảm sút lòng tin khiến chúng không dám mạo hiểm tiếp tục sử dụng vũ khí công nghệ cao trên quy mô lớn. Trong cuộc chiến tranh cô-xô-vô, địa hình, địa vật, phức tạp của Nam Tư kết hợp với thời tiết mùa xuân ẩm ướt, âm u, rừng cây rậm rạp đã khiến cho hệ thống vũ khí công nghệ cao của NATO bộc lộ một số nhược điểm như khả năng nhận biết mục tiêu, khả năng định vị, dẫn đến đánh nhầm, đánh không chính xác, đánh vào mục tiêu giả ngày càng tăng, khiến chúng bị tiêu hao ngày càng lớn.

- Tổ chức, bố trí lực lượng phân tán, có khả năng tác chiến độc lập

Tổ chức, bố trí lực lượng phân tán là thu nhỏ quy mô các lực lượng lớn, bố trí theo nhu cầu, mỗi đơn vị có thể thực hiện đồng thời nhiều nhiệm vụ phòng thủ, tiến công, cơ động chi viện,... Bố trí phân tán lực lượng không theo quy tắc, xây dựng khu vực tác chiến du kích xen kẽ nhỏ lẻ, đa năng, nhưng sẵn sàng tập trung khi cần thiết. Bố trí như vậy sẽ giảm thiểu tổn thất khi địch sử dụng vũ khí công nghệ cao. Khả năng chiến đấu độc lập và tập trung cao sẽ giảm bớt sự chi viện của lực lượng dự bị, như vậy sẽ tránh được tổn thất cho lực lượng dự bị. Bố trí phân tán sẽ tăng thêm khó khăn cho đối phương trong việc trinh sát phát hiện mục tiêu, phán đoán tình hình và xác định phạm vi đánh, làm giảm hiệu quả tác chiến của địch.

- Kết hợp xây dựng cơ sở hạ tầng, đô thị với xây dựng hầm ngầm để tăng khả năng phòng thủ

Trong quá trình xây dựng đất nước những năm gần đây, hầu hết các địa phương trong cả nước đã có sự phát triển vượt bậc về kinh tế, đời sống xã hội có nhiều thay đổi, các thành phố ngày càng mở rộng, cơ sở hạ tầng phát triển, các khu trung tâm kinh tế - công nghiệp phát triển, nhiều đô thị mới ra đời với tốc độ nhanh, mật độ dân cư ngày càng cao. Cùng với sự phát triển chung đó chúng ta cần quan tâm đúng mức đến phát triển cơ sở hạ tầng như điện, đường, kho, trạm,... Đồng thời, chúng ta cũng không nên xây dựng các thành phố quá đông dân cư, các khu công nghiệp tập trung mà xây dựng nhiều thành phố vệ tinh và tập trung phát triển mạng giao thông. Xây dựng đường cao tốc phải kết hợp tạo ra những đoạn đường máy bay có thể cất hạ cánh. Xây dựng cầu phải kết hợp cả việc sử dụng các bến phà, bến vượt, trong tương lai chúng ta sẽ xây dựng đường xe điện ngầm ở các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh,... Xây dựng các nhà cao tầng phải tính đến số lượng tầng cao để giảm bớt tổn thất trong chiến tranh; các công trình lớn của quốc gia như nhà Quốc hội, nhà Trung tâm Hội nghị quốc gia, văn phòng của các Bộ, ngành,... phải có tầng hầm, thời bình làm kho, nhà xe, thời chiến làm hầm ẩn nấp. Xây dựng các nhà máy thủy điện phải tính đến phòng chống máy bay phá đập gây lũ lụt.

2.2.2: Biện pháp chủ động***- Gây nhiễu các trang bị trinh sát của địch, làm giảm hiệu quả trinh sát***

Gây nhiễu là một biện pháp cơ bản trong đối kháng trinh sát, nhằm làm giảm hoặc suy yếu hiệu quả các thiết bị trinh sát của địch, khiến chúng không thể phát huy tác dụng. Một số biện pháp gây nhiễu có thể vận dụng :

+ Tích cực phá hoại hệ thống trinh sát của địch. Có thể sử dụng đòn tiên công của tên lửa đất đối không, đòn phản kích của binh lực mặt đất hoặc tiến hành gây nhiễu điện tử, hạn chế và phá hoại trinh sát kỹ thuật của địch. Tổ chức bắn rơi máy bay trinh sát điện tử của địch sẽ hạn chế rất nhiều việc sử dụng vũ khí điều khiển chính xác của chúng.

+ Sử dụng tổng hợp nhiều thủ đoạn thực hiện gây nhiễu chế áp lại địch, nhưng phải chuẩn bị chu đáo, nhất là thời cơ và đối tượng gây nhiễu, bởi vì, khi gây nhiễu cũng chính là lúc ta lại bị bộc lộ, địch sẽ trinh sát định vị lại ta, ta cần bố trí các đài gây nhiễu ở nơi hiểm yếu và di chuyển liên tục. Lập các mạng, các trung tâm thông tin giả hoạt động đồng thời với thông tin thật để thu hút hoạt động trinh sát và chế áp điện tử của địch, che đậy tín hiệu công tác thực của ta.

+ Hạn chế năng lượng bức xạ từ về hướng ăng ten thu trinh sát của địch bằng cách sử dụng công suất phát hợp lý, chọn vị trí đặt ăng ten sao cho có địa hình che chắn về phía địch trinh sát, phân bố mật độ liên lạc hợp lý, không tạo ra dấu hiệu bất thường, thay đổi thường xuyên quy ước liên lạc, mã hoá các nội dung điện, chọn tần số gần tần số làm việc của địch; tăng công suất máy phát, sử dụng ăng ten có hệ số khuếch đại cao, rút ngắn cự li thông tin...

+ Dùng hỏa lực hoặc xung lực đánh vào những chỗ hiểm yếu, nhằm phá huỷ các đài phát, tiêu diệt nguồn gây nhiễu của địch.

- Nắm chắc thời cơ, chủ động đánh địch từ xa, phá thế tiến công của địch

Cần phải trinh sát nắm địch chặt chẽ, chính xác và có quyết tâm sử dụng lực lượng hợp lý, nhất là phát huy khả năng của lực lượng vũ trang địa phương, lực lượng đặc công, pháo binh chuyên trách tiến công địch. Sử dụng tổng hợp, các loại vũ khí có trong biên chế của lực lượng phòng không ba thứ quân. Kết hợp sử dụng vũ khí thô sơ, vũ khí tương đối hiện đại để đánh địch, rèn luyện ý chí chiến đấu quyết đánh và biết thắng vũ khí công nghệ cao của địch. Huấn luyện nâng cao trình độ cho các lực lượng phòng không ba thứ quân. Làm cho mỗi người lính, mỗi người dân biết sử dụng thành thạo các vũ khí có trong tay để bắn máy bay và tên lửa của địch trong tầm bắn hiệu quả khi nó bay qua khu vực đóng quân của đơn vị mình, địa phương mình.

Thực hiện tốt các giải pháp nêu trên, dù kẻ địch tiến công bằng hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao từ hướng nào, khu vực nào, sử dụng vũ khí công nghệ cao đến mức nào chúng ta cũng đánh trả có hiệu quả làm vô hiệu hoá vũ khí công nghệ cao của địch, đập tan ý chí xâm lược của kẻ thù.

- Lợi dụng đặc điểm đồng bộ của hệ thống vũ khí công nghệ cao, đánh vào mắt xích then chốt

Tập trung lực lượng đánh vào những hệ thống có tác dụng bảo đảm và điều hành, gây ra sự hỗn loạn và làm mất khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao hoặc sự phối hợp nhịp nhàng giữa hệ thống vũ khí công nghệ cao với các hệ thống vũ khí thông thường khác.

Mặt khác, vũ khí công nghệ cao có thể đồng thời sử dụng cả trên bộ, trên biển và trên không, do vậy phải tổ chức đánh địch từ xa. Sử dụng các thủ đoạn tập kích, đặc biệt có thể vận dụng đặc công, pháo binh chuyên trách, dân quân tự vệ tập kích, phá hoại vùng địch hậu, tập kích tung thâm... phá huỷ các hệ thống phóng, hệ thống bảo đảm hoặc các căn cứ trọng yếu của chúng, khiến chúng bị tê liệt khi tác chiến. Có thể lợi dụng thời tiết khắc nghiệt như mưa, mù, bão gió... để tập kích vào các hệ thống vũ khí công nghệ cao.

- Cơ động phòng tránh nhanh, đánh trả kịp thời chính xác

Khi cơ động phòng tránh phải thực hiện tốt các yêu cầu bí mật, cơ động nhanh, đến đúng địa điểm, thời gian sẵn sàng chiến đấu cao.

Để thực hiện được mục đích đó, công tác tổ chức chuẩn bị phải chu đáo, có kế hoạch cơ động, di chuyển chặt chẽ. Khi cơ động phải tận dụng địa hình, rừng cây, khe suối..., hạn chế khả năng trinh sát, phát hiện bằng các phương tiện trinh sát hiện đại của địch. Xác định nhiều đường cơ động, có đường chính, đường dự bị, đường nghi binh và tổ chức nguy trang.

Phòng tránh, đánh trả địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao là vận dụng tổng hợp các giải pháp, biện pháp, các hoạt động một cách có tổ chức của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trong chuẩn bị và thực hành phòng tránh, đánh trả bảo đảm an toàn cho nhân dân và các thành phần lực lượng, giữ vững sản xuất, đời sống, sinh hoạt, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Phòng tránh, đánh trả tiến công bằng vũ khí công nghệ cao của địch là hai mặt của một vấn đề, có quan hệ, tác động lẫn nhau một cách biện chứng, đan xen nhau. Phòng tránh tốt là điều kiện để đánh trả có hiệu quả. Đánh trả có hiệu quả tạo điều kiện để phòng tránh an toàn và chúng ta cần hiểu rằng trong phòng tránh có đánh trả, trong đánh trả có phòng tránh. Như vậy, phòng tránh tiến công bằng vũ khí công nghệ cao của địch là một biện pháp có ý nghĩa chiến lược để bảo toàn lực lượng, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản, là một yếu tố quan trọng để giành thắng lợi. Thực tiễn trong những năm chống chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ trước đây, công tác phòng không nhân dân đã có vị trí vai trò to lớn trong việc bảo vệ nhân dân, bảo vệ các mục tiêu quan trọng của miền Bắc.

Những kinh nghiệm tổ chức phòng tránh trong chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của địch trước đây và các cuộc chiến tranh gần đây của Mỹ

và đồng minh vào Irắc, Nam Tư... là những kinh nghiệm rất bổ ích, chúng ta có cơ sở để tin tưởng rằng chúng ta sẽ tổ chức tốt công tác phòng tránh tiến công bằng vũ khí cao của địch trong tình hình mới.

Trong phòng tránh phải triệt để tận dụng ưu thế địa hình tự nhiên để cải tạo và xây dựng công trình phòng tránh theo một ý định chiến lược chung trên phạm vi toàn quốc, trên từng hướng chiến dịch, chiến lược, trên từng địa bàn cụ thể, từng khu vực phòng thủ địa phương. Bố trí lực lượng phương tiện phân tán, nhưng hỏa lực phải tập trung, công trình phải luôn kết hợp chặt chẽ giữa nguy trang che giấu với hoạt động nghi binh, xây dựng phải dựa vào khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) và tăng cường cơ động trong chiến đấu.

Đối với đánh trả tiến công bằng vũ khí công nghệ cao của địch, nhằm tiêu diệt, phá thế tiến công của địch, bảo vệ chủ quyền, bảo vệ các mục tiêu quan trọng của đất nước, bảo vệ nhân dân, bảo vệ sản xuất,... Đánh trả có hiệu quả là vấn đề cốt lõi nhất của phòng tránh, đánh trả, là biện pháp tích cực nhất, chủ động nhất để bảo vệ chủ quyền đất nước, bảo vệ mục tiêu, bảo toàn lực lượng chiến đấu.

Với điều kiện và khả năng của ta, việc tổ chức đánh trả phải có trọng điểm, đúng đối tượng, đúng thời cơ. Đánh trả địch bằng mọi lực lượng, mọi loại vũ khí, trang bị, thực hiện đánh rộng khắp, từ xa đến gần, ở các độ cao, các hướng khác nhau. Ta đánh địch bằng sức mạnh tổng hợp, ta đánh địch bằng thế, thời, lực, mưu,...

Về phương pháp chúng ta phải kết hợp chặt chẽ giữa đánh địch với cơ động, nguy trang, nghi binh, phòng tránh bảo tồn lực lượng. Về lực lượng, chúng ta có lực lượng phòng không ba thứ quân và không quân, lực lượng pháo binh, tên lửa, lực lượng đặc công,... và hỏa lực súng bộ binh tham gia.

Với những thành phần như vậy, có thể đánh các mục tiêu trên không, các mục tiêu mặt đất, mặt nước nơi xuất phát các đòn tiến công hỏa lực của địch, phù hợp với điều kiện Việt Nam. Trong đó, tổ chức xây dựng thế trận phòng tránh đánh trả tiến công bằng vũ khí công nghệ cao của địch đáp ứng yêu cầu hiểm, chắc, có chiều sâu, cơ động linh hoạt, rộng khắp, kết hợp với thế trận khu vực phòng thủ địa phương. Phải xác định các khu vực, mục tiêu bảo vệ trọng điểm, đối tượng đánh trả, khu vực đánh trả, hướng đánh trả chủ yếu cho các lực lượng tham gia đánh trả.

Trong thực hành đánh trả địch, phải vận dụng một cách linh hoạt các hình thức tác chiến, chiến thuật, phương pháp hoạt động chiến đấu khác nhau cho từng lực lượng, như lực lượng phòng không ba thứ quân có thể vừa chốt bảo vệ mục tiêu, vừa cơ động phục kích đón lõng, kết hợp vừa phòng tránh vừa đánh trả. Đối với lực lượng không quân, pháo binh, tên lửa, hải quân có thể vận dụng linh hoạt các phương pháp tác chiến của

quân, binh chủng có hiệu quả nhất, phù hợp với điều kiện tình hình địch, ta như đánh chặn, đánh đòn tập kích, đánh hiệp đồng,...

Ngoài những vấn đề trên, chúng ta cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống phòng thủ dân sự, đây là nhiệm vụ chiến lược rất quan trọng của nền quốc phòng toàn dân, là hệ thống các biện pháp phòng thủ quốc gia. Từng địa phương và cả nước, được tiến hành trong thời bình và thời chiến, nhằm bảo vệ nhân dân, bảo vệ nền kinh tế, duy trì sản xuất và đời sống nhân dân trong đó bảo vệ nhân dân là nội dung quan trọng nhất. Nếu việc tổ chức phòng thủ dân sự không tốt, không có giải pháp để phòng chống vũ khí công nghệ cao, không những chỉ tổn thất về người mà còn dẫn đến hoang mang, dao động, giảm sút ý chí quyết tâm kháng chiến của mỗi người dân, từng địa phương và cả nước.

Ngày nay, nếu cuộc chiến tranh xảy ra sẽ là cuộc chiến tranh sử dụng vũ khí công nghệ cao, diễn ra trên không gian nhiều chiều, tiền tuyến và hậu phương không phân định rõ ràng như trước đây. Do vậy, ở các thành phố, thị xã, thị trấn nơi tập trung đông dân cư và các cơ sở kinh tế lớn chủ yếu là sơ tán, còn các trọng điểm khác có thể phân tán, sơ tán gần. Các cơ sở sản xuất lớn của Trung ương có thể phải sơ tán xa hơn, chủ yếu dựa vào các hang động ở rừng núi để sản xuất phục vụ chiến tranh.

Hệ thống công trình phòng thủ dân sự gồm hệ thống hầm hố ẩn nấp cho cá nhân, cho các hộ gia đình, các công trình bảo đảm sản xuất, bảo đảm sinh hoạt, bảo đảm lương thực, thực phẩm của tập thể, hộ gia đình triển khai ở các cơ quan, nhà ga, bến cảng, kho nhiên liệu, xăng dầu được tiến hành ngay từ thời bình thông qua kế hoạch kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế ở từng địa phương và trong phạm vi cả nước.

KẾT LUẬN

Phương thức phòng chống địch tiến công hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao là một vấn đề lớn của cả đất nước trong sự nghiệp xây dựng và BVTQ ngày nay.

Để phòng chống địch tiến công hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao trong chiến tranh tương lai có hiệu quả, đòi hỏi phải có sự tham gia của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, của cả hệ thống chính trị trên tất cả các lĩnh vực từ nhận thức đến hành động. Luôn nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng phòng chống địch tiến công hoả lực có hiệu quả trong mọi tình huống. Mọi công tác chuẩn bị của các cấp, các ngành và của người dân phải được chuẩn bị ngay từ thời bình, chống chủ quan, coi nhẹ, luôn luôn theo dõi chặt chẽ, đánh giá đúng, chính xác âm mưu thủ đoạn của kẻ thù, khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao và những phát triển mới về vũ khí trang bị, phương pháp tác chiến trong chiến tranh tương lai của địch. Công tác

chuẩn bị phải chu đáo từ thể trận phòng tránh, đánh trả, đến công tác huấn luyện, diễn tập cách phòng chống tiến công hoả lực của địch bằng vũ khí công nghệ cao.

Với kinh nghiệm và truyền thống, với sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, trong điều kiện mới chúng ta tin tưởng ta có đầy đủ khả năng để đối phó với tiến công bằng vũ khí công nghệ cao của địch.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Nêu khái niệm, điểm mạnh, điểm yếu của vũ khí công nghệ cao? Em hãy kể tên một số loại vũ khí công nghệ cao mà em biết?
 2. Nêu các biện pháp phòng chống vũ khí công nghệ cao bằng biện pháp thụ động? Tại sao phải tổ chức bố trí lực lượng phân tán?
-
-

Bài 8: BA MÔN QUÂN SỰ PHỐI HỢP

I. ĐIỀU LỆ CHUNG

1. Đặc điểm và điều kiện thi đấu.

a. Đặc điểm

- Thi đấu ba môn thể thao quân sự phối hợp (thể thao quốc phòng) được tiến hành theo các bài tập nằm trong chương trình giáo dục quốc phòng, mục đích của thi đấu ba môn thể thao quân sự phối hợp là giáo dục cho học sinh, sinh viên có ý chí quyết tâm giành thắng lợi, rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo, khả năng thực hiện các bài tập đa dạng, sức chịu đựng cường độ thể lực và sự căng thẳng về tâm lý trong quá trình thi đấu thể thao.

- Thi đấu ba môn quân sự phối hợp là một trong những hình thức để xác định chất lượng huấn luyện thể lực và tình hình hoạt động thể thao của nhà trường. Để thi đấu đạt kết quả tốt, học sinh, sinh viên phải luyện tập và hoàn thành những yêu cầu về chỉ tiêu rèn luyện quy định cho các lứa tuổi và đối tượng.

- Thi đấu ba môn quân sự phối hợp có thể tiến hành thi cá nhân, đồng đội. Trong thi đấu cá nhân phải xác định kết quả thành tích, vị trí cho tất cả những người dự thi. Trong thi đấu đồng đội, lấy kết quả của các cá nhân tổng hợp thành kết quả đồng đội rồi dựa vào đó xếp hạng cho từng đội. Thi cá nhân, đồng đội là đồng thời xác định kết quả của cá nhân và của đồng đội rồi xếp hạng cho cá nhân và đồng đội.

b. Điều kiện thi đấu

Thi đấu ba môn quân sự phối hợp, đấu thủ tham gia cuộc thi phải bảo đảm đủ các điều kiện:

- Hiểu, nắm vững quy tắc và đã được luyện tập thường xuyên.
- Có chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe của bác sỹ.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của người dự thi.

a. Trách nhiệm của người dự thi.

- Người dự thi phải hiểu điều lệ, quy tắc cuộc thi và nghiêm túc thực hiện điều lệ quy tắc thi đấu.

- Có mặt đúng thời gian tại cuộc thi cùng trang bị, trang phục đã quy định, thẻ hoặc giấy chứng nhận thi đấu và tuân thủ đúng quy chế thi đấu.

- Thực hiện đúng hướng dẫn của trọng tài.
- Tuân thủ nghiêm quy tắc quản lý, sử dụng súng và đạn.

b. Quyền hạn của người dự thi.

- Được bắn thử để kiểm tra súng, luyện tập và thực hiện các bài tập ở những địa điểm đã quy định của Hội đồng trọng tài.

- Chỉ khi thật cần thiết mới được phép báo cáo trực tiếp với trọng tài những vấn đề có liên quan đến việc tiến hành cuộc thi, trong các trường hợp khác nếu có yêu cầu gì đối với trọng tài thì dùng lời nói hoặc làm văn bản báo cáo với đoàn trường (đội trưởng) chuyển lên Hội đồng trọng tài.

3. Trách nhiệm, quyền hạn của đoàn trưởng (đội trưởng).

Mỗi đoàn (đội) dự thi nhất thiết phải có cán bộ có phẩm chất, tư cách vững vàng và hiểu biết sâu sắc về chuyên môn làm đoàn trưởng. Đoàn trưởng phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về kỷ luật của các đấu thủ khi ở địa điểm thi đấu cũng như tại nơi ở và bảo đảm cho mỗi đấu thủ hoặc đội vào thi đấu kịp thời. Khi vắng đoàn trưởng thì đội trưởng thay thế. Khi đội trưởng vắng phải chỉ định một trong các đấu thủ thay mặt để chỉ huy đội.

Đoàn trưởng (đội trưởng) có nhiệm vụ nộp cho Hội đồng Trọng tài danh sách thi đấu thủ dự bị và những tài liệu cần thiết cho điều 1, quy tắc cuộc thi quy định.

a. Trách nhiệm của đoàn trưởng (đội trưởng)

Đoàn trưởng (đội trưởng) phải:

- Hiểu và thực hiện điều lệ, quy tắc và quy chế của cuộc thi.
- Bảo đảm kịp thời đưa đoàn (đội) đến địa điểm thi đấu với trang phục, súng đạn cần thiết đã quy định, chịu trách nhiệm trước nhà trường về việc bảo đảm an toàn mọi mặt của đoàn (đội) mình.
- Thường xuyên có mặt ở địa điểm thi đấu và chỉ được tạm vắng khi tổng Tổng tài về những thay đổi của cuộc thi, như: thời gian, chương trình thi đấu.
- Báo cáo với Hội đồng Trọng tài về những thay đổi trong đăng ký và những đấu thủ do tình trạng sức khỏe không thể tiếp tục thi đấu được.
- Tham dự cuộc họp của Hội đồng Trọng tài với quyền hạn tư vấn và tham dự bốc thăm.

b. Quyền hạn của đoàn trưởng (đội trưởng)

- Chuyển đến Hội đồng Trọng tài những khiếu nại của đoàn (đội).
- Đề nghị Hội đồng Trọng tài kiểm tra và giải thích kết quả thi đấu sau khi đã thông báo sơ bộ về thành tích.
- Đoàn trưởng (đội trưởng) không được phép can thiệp vào công việc của trọng tài và cũng không được tự ý quyết định thay đổi đấu thủ hoặc rút đấu thủ khỏi cuộc thi nếu không được Hội đồng Trọng tài cho phép. Trong quá trình thi đấu cũng không được phép giúp đỡ vận động viên.

4. Thủ tục khiếu nại.

- Tất cả những khiếu nại đều phải đưa đến Hội đồng Trọng tài, có thể đưa trước khi bắt đầu cuộc thi, trong quá trình cuộc thi và sau khi kết thúc cuộc thi, nhưng không chậm quá một giờ sau khi kết thúc môn thi đó.
- Đoàn trưởng (đội trưởng) có thể đưa khiếu nại bằng văn bản có chỉ dẫn các mục, các điểm của quy tắc hoặc điều lệ cuộc thi mà người khiếu nại bị cho là vi phạm.
- Tổng trọng tài phải xem xét các khiếu nại trong thời gian ngắn nhất. Nếu khiếu nại đó cần phải kiểm tra thì quyết định cần được thực hiện trong vòng 24h từ lúc nhận được đơn khiếu nại và kết luận trước khi xác định thành tích cuối cùng của cuộc thi.
- Quyết định của Tổng trọng tài về khiếu nại và quyết định cuối cùng và không xét lại nữa.

5. Xác định thành tích và xếp hạng

- Thi vô địch cá nhân và đồng đội được xác định theo điều lệ cuộc thi.
 - Khi xếp hạng cá nhân, vận động viên nào có thành tích (tổng số điểm) cao hơn được xếp trên. Trường hợp thành tích bằng nhau của một số vận động viên thì vận động viên nào có kết quả cao hơn trong các môn thi sẽ được xếp trên.
 - Khi xếp hạng đồng đội, cộng tổng số điểm của các vận động viên trong từng đội và xếp hạng cao thấp cho các đội căn cứ vào tổng số điểm của từng đội.
-

Trường hợp thành tích bằng nhau của một số đội thì đội nào có vận động viên xếp thứ hạng cao (nhất, nhì, ba, .v.v...) sẽ được xếp vị trí cao hơn.

II. QUY TẮC THI ĐẤU

1. Quy tắc chung

Điều 1: Mỗi vận động viên phải thi đấu ba nội dung trong hai ngày theo trình tự sau đây:

- Ngày thứ nhất: Sáng thi bắn súng quân dụng, chiều ném lựu đạn.
- Sáng ngày thứ hai: Chạy vũ trang 3000m (nam); 1500m (nữ).

Điều 2: Trang phục và trang bị thi đấu.

- Mặc quần áo lao động hoặc thể thao, đi giày hoặc chân đất.
- Súng quân dụng (tiểu liên AK, SKS).
- Đeo số thi đấu ở ngực và đeo kết quả bốc thăm ở lưng, không được thay đổi số áo trong suốt cuộc thi.

2. Quy tắc thi đấu các môn.

a. Bắn súng quân dụng:

Điều 3: Điều kiện bắn.

- Dùng súng trường SKS (hoặc tiểu liên AK) lực cò không nhẹ dưới 2kg
- Mục tiêu cố định, bia số 4 có vòng.
- Cự li bắn: 100m.
- Tư thế bắn: nằm bắn có bệ tì.
- Số đạn bắn: 3 viên (súng trường tự động, tiểu liên bắn phát một)

Điều 4: Thứ tự bắn.

Theo trình tự bốc thăm, vận động viên phải có mặt ở vị trí điểm danh trước giờ thi đấu của mình 30 phút để làm công tác chuẩn bị, điểm danh, kiểm tra súng, đạn và trang bị.

Điều 5: Quy tắc bắn.

- Khi vào tuyến bắn, sau khi khám súng và có lệnh “Nằm chuẩn bị bắn” của trọng tài trưởng, vận động viên mới được làm công tác chuẩn bị. Khi chuẩn
-

bị xong vận động viên phải báo cáo “số.... chuẩn bị xong” và chỉ được bắn sau khi có lệnh của trọng tài.

- Vận động viên được phép dùng vải bạt, chiếu, nilon để nằm bắn.
- Khi có lệnh bắn, mọi trường hợp cướp cò, nổ súng coi như đã bắn. Đạn lia thia không tính thành tích.
- Đạn chạm vạch được tính điểm vòng trong, đạn không nổ được bù thêm.
- Trong khi thi đấu, súng bị hỏng hóc, phải báo cáo với trọng tài nếu được phép mới được ra ngoài sửa hoặc đổi súng.

Điều 6: Vi phạm quy tắc bắn.

- Nổ súng trước khi có lệnh bắn của trọng tài sẽ bị tước quyền thi đấu môn bắn súng.
- Nổ súng sau khi có lệnh thôi bắn (dừng bắn của trọng tài sẽ bị cảnh cáo, viên đạn đó không được tính thành tích và bị trừ thêm 2 điểm trên bia.
- Trong thi đấu nếu bắn nhầm bia mà trọng tài xác định được thì viên đạn đó vẫn được tính điểm cho người bắn nhầm nhưng bị trừ 2 điểm trên bia.
- Nếu trên bia có hai điểm chạm, không phân biệt rõ điểm chạm của từng người bắn thì cả hai đều có quyền nhận viên đạn có điểm chạm cao nhất hoặc cả hai đều bắn lại. Thách thức bắn lại được xử trí như sau:
 - + Dù đạt được bao nhiêu nhưng so với nhau, nếu ai có điểm bắn cao hơn sẽ lấy điểm cao của bia đang xét. Ngoài ra phải trừ đi hai điểm trên bia đối với người bắn nhầm
 - + Mọi hành động gian lận như đổi súng (dùng súng chưa được kiểm tra), đổi người dự thi không có trong danh sách báo cáo, hoặc vi phạm các điểm a; d của điều 5, hoặc vi phạm nguyên tắc an toàn thì dù là vô tình hay cố ý, tùy theo lỗi nặng, nhẹ mà trọng tài nhắc nhở, cảnh cáo hoặc tước quyền thi đấu môn bắn súng.

Nếu bắn súng thể thao: cự li 50m, bia số 7B, nằm bắn có bệ tỳ, bắn 3 viên tính điểm (như bắn súng quân dụng).

b. Ném lựu đạn xa, trúng hướng

Điều 7: Điều kiện ném.

- Lựu đạn gang, hình trụ, cán gỗ dài 12cm, trọng lượng 600 gam (nam) và 500-520 gam (nữ).
- Bãi ném: Ném trong ường hành lang rộng 10m, đường chạy rộng 4m, dài từ 15-20m.
- Tư thế ném: Cầm súng (không dương lê), có thể ném hoặc chạy lấy đà.
- Số quả ném: Ném từ 1 quả, ném tính điểm 3 quả.
- Thời gian ném: 5 phút (kể cả ném thử).

Điều 8: Thứ tự ném

- Theo kết quả bốc thăm, phân chia bãi mìn và đợt ném, vận động viên khởi động ở ngoài, đến lượt ném mới vào vị trí chuẩn bị.

Điều 9: Quy tắc ném.

- Vận động viên chỉ được ném sau khi có lệnh của trọng tài, có thể ném thử hoặc không. Muốn ném thử hoặc ném tính điểm, vận động viên phải báo cáo “Số ... xin ném thử” hoặc “Số... chú ý”, “1 quả ném thử” hoặc “3 quả ném tính điểm” bắt đầu, vận động viên mới được ném. Mỗi quả ném đều có hiệu lệnh bằng còi của trọng tài.

- Khi ném, một tay cầm súng (không dương lê) có thể đứng ném hoặc chạy lấy đà. Khi đang chạy đà, nếu cảm thấy chưa tốt, vận động viên có quyền chạy lại với điều kiện không được để một bộ phận nào của thân thể chạm hoặc vượt ra ngoài vạch giới hạn, kể cả lựu đạn tuột tay rơi ra ngoài vạch giới hạn.

- Lựu đạn phải rơi trong phạm vi hành lang rộng 10m, rơi trúng vạch vẫn được tính thành tích.

- Ném xong cả 3 quả tính điểm rồi mới đo thành tích của cả 3 lần ném và lấy thành tích của lần ném xa nhất. Mỗi lần lựu đạn rơi trong hành lang, trọng tài đều cầm cờ đánh dấu điểm rơi, thành tích lấy chẵn tới cm.

- Thời gian ném: 5 phút, kể cả từ khi trọng tài cho lệnh ném thử.

Điều 10: Vi phạm quy tắc ném.

- Khi được lệnh ném của trọng tài, nếu do sơ ý lựu đạn rơi bên ngoài vạch giới hạn thì coi như đã ném quả đó.
-

- Lưu đạn rơi ngoài phạm vi hành lang không được tính thành tích.
- Tự động ném trước khi có lệnh của trọng tài sẽ bị tước quyền thi đấu môn ném lựu đạn.
- Mọi hành động trong gian lận, như đổi người, đổi trang bị hoặc vi phạm các điểm a,b,d của Điều 9 thì tùy theo lỗi nặng nhẹ mà trọng tài nhắc nhở, cảnh cáo hoặc tước quyền thi đấu.

c. Chạy vũ trang.

Điều 11: Điều kiện chạy

- Đường chạy tự nhiên.
- Cự ly chạy: 3000m (nam); 1500m (nữ).

Điều 12: Thứ tự chạy.

- Vận động viên phải có mặt ở vị trí tập kết trước giờ thi đấu của mình 20 phút để điểm danh, kiểm tra trang bị và khởi động.
- Trọng tài điểm danh và sắp xếp vị trí cho các vận động viên theo thứ tự bốc thăm.

Điều 13: Quy tắc chạy

- Xuất phát: Mỗi đợt xuất phát không quá 20 người. Khi có lệnh “vào chỗ” của trọng tài, các vận động viên về vị trí của mình và chuẩn bị chờ lệnh. Tay và chân không được chạm vào vạch xuất phát.
 - Khi có lệnh chạy (bằng súng phát lệnh hoặc phát còi...) vận động viên mới bắt đầu chạy.
 - Khi chạy trên đường, vận động viên không được gây trở ngại cho các đấu thủ khác. Khi muốn vượt phải vượt về phía bên phải. Nếu đối thủ chạy trước không chạy vào sát mép trong đường chạy vận động viên chạy sau được phép vượt lên bên trái đối thủ đó. Dù vượt bên nào cũng không được gây trở ngại, như xô đẩy, chen lấn đối thủ chạy trước. Vận động viên chạy trước cũng không được cản trở, chèn ép đối thủ chạy sau khi đối thủ này muốn vượt lên trước.
-

- Khi về đích, vận động viên dùng một bộ phận thân người chạm vào mặt phẳng cắt ngang vạch đích hoặc dây đích (trừ đầu, cổ, tay và chân) và khi toàn bộ cơ thể đã vượt qua mặt phẳng đó mới coi là chạy hết cự ly.

Điều 14: Vi phạm quy tắc chạy.

- Vi phạm các điểm sau đây sẽ bị xoá bỏ thành tích.
- Chạy không hết đường quy định.
- Nhờ người mang vũ khí, trang bị hoặc dìu đỡ trước khi về đích.
- Về đích thiếu súng.
- Chen lấn thô bạo, cố tình cản trở làm ảnh hưởng tới thành tích hoặc gây thương tích cho đối thủ.

- Về đích thiếu trang bị sẽ bị phạt bằng cách cộng thêm vào thành tích chạy thời gian như sau:

- Thiếu số áo, cộng 10 giây.
- Thiếu thắt lưng, cộng 10 giây.
- Vi phạm điểm a của Điều 12, điểm a, b, c, d của Điều 13 hoặc có hành động gian lận thì tùy theo lỗi nặng nhẹ mà trọng tài nhắc nhở, cảnh cáo hoặc tước quyền thi đấu môn chạy vũ trang.

3. Cách tính thành tích.

- Cách tính điểm và xếp hạng.
- Tính điểm và xếp hạng cá nhân.

Điều 15: Tính điểm bắn súng quân dụng.

- Căn cứ vào kết quả điểm chạm, cộng điểm của 3 viên bắn tính điểm. Đối chiếu với bảng điểm để quy ra điểm (xem bảng tính điểm), vận động viên có số điểm cao hơn xếp trên. Nếu bằng nhau, sẽ so sánh ai có vòng 10, 9, 8... nhiều hơn xếp trên. Nếu vẫn bằng nhau thì xếp bằng nhau.

Điều 16: Tính điểm ném lựu đạn.

- Căn cứ vào thành tích ném xa nhất, đối chiếu với bảng điểm để quy ra điểm (xem bảng tính điểm) vận động viên nào có số điểm cao hơn, xếp trên.

Nếu bằng nhau, xét trực tiếp các quả ném đó, nếu vẫn bằng nhau thì xét kết quả thứ hai, thứ 3.

Điều 17: Tính điểm chạy vũ trang.

- Căn cứ vào thời gian chạy (Sau khi đã xử lý các trường hợp phạm quy) để quy ra điểm (xem bảng tính điểm), vận động viên nào có số điểm cao hơn thì xếp trên. Nếu bằng nhau, sẽ xét vận động viên nào có thời gian chạy ít hơn xếp trên, nếu bằng nhau, xếp bằng nhau.

Điều 18: Tính điểm cá nhân toàn năng.

- Căn cứ điểm của ba môn, vận động viên nào có tổng số điểm nhiều hơn xếp trên. Nếu điểm bằng nhau, sẽ lần lượt so sánh thứ tự (các môn chạy vũ trang, bắn súng, ném lựu đạn) vận động viên nào có thứ hạng cao xếp trên. Nếu bằng nhau, xếp bằng nhau.

- Tính điểm và xếp hạng đồng đội.

Điều 19: Tính điểm đồng đội từng môn.

- Cộng điểm từng môn của các vận động viên trong đội. Đội nào có tổng số điểm nhiều hơn xếp trên. Nếu bằng nhau, xét đội nào có số vận động viên xếp thứ hạng toàn năng cao hơn xếp trên.

Điều 20: Tính điểm đồng đội toàn năng.

- Cộng điểm toàn năng của các vận động viên trong đội, đội nào có tổng số điểm nhiều hơn xếp trên. Nếu bằng nhau, xét đội nào có số vận động viên xếp theo thứ hạng toàn năng cao hơn xếp trên.

- Tính điểm và xếp hạng toàn đoàn.

Điều 21: Xếp hạng toàn đoàn.

- Cộng điểm của đồng đội nam và đồng đội nữ, đoàn nào có tổng số điểm nhiều hơn thì xếp trên. Nếu bằng nhau, đoàn nào có đội nữ xếp hạng cao hơn xếp trên.

- Bảng tính điểm từng môn, một số mẫu biểu và văn bản.

- Tính điểm từng môn:

+ Bắn súng quân dụng (*áp dụng cho cả nam và nữ*)

Điểm trên bia	Điểm xếp hạng	Điểm trên bia	Điểm xếp hạng	Điểm trên bia	Điểm xếp hạng	Điểm trên bia	Điểm xếp hạng	Điểm trên bia	Điểm xếp hạng
30	1000	24	500	18	220	12	110	6	50
29	900	23	450	17	190	11	100	5	40
28	800	22	400	16	170	10	90	4	30
27	710	21	350	15	150	9	80	3	20
26	630	20	300	14	130	8	70	2	10
25	560	19	250	13	120	7	60	1	0

+ Ném lựu đạn:

Nam: 60 m được tính 1000 điểm. Xa hơn 60m, cứ 4cm được 1 điểm

Kém hơn 60 m, cứ 5m trừ đi 1 điểm.

Nữ: 40m được 1000 điểm. Xa hơn 40m, cứ 4cm được 1 điểm.

Kém hơn 40m, cứ 5m trừ đi 1 điểm.

(theo nguyên tắc tính điểm tròn: Từ 3 cm trở lên được tính tròn 1 điểm, dưới 3cm thì không điểm).

+ Chạy vũ trang: (Nam 3000m; nữ 1500 m).

Nam: 10 phút được tính 1000 điểm. Nhanh hơn 10 phút thì 1 giây được 5 điểm. Chậm hơn 10 phút thì 1 giây trừ đi 3 điểm.

Nữ: 5 phút 30 giây được tính 1000 điểm. Nhanh hơn 5 phút 30 giây thì 1 giây được 5 điểm. Chậm hơn 5 phút 30 giây thì 1 giây trừ đi 3 điểm.

TT	Họ và tên	Số áo	Nội dung					
			Bắn súng		Ném lựu đạn		Chạy vũ trang	
			Đợt	Bệ	Đợt	Bãi	Đợt	Ồ (hàng)

CÂU HỎI ÔN

1. Em hãy cho biết điều kiện thi đấu của ba môn quân sự phối hợp? Nêu rõ điều kiện của từng môn trong quy tắc thi đấu?

2. Em hãy cho biết điều kiện và quy tắc bắn súng quân dụng?

